Phẩm 9 - Nhân (Kinh số 97 - 106)

Kinh Trung A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

PHẨM 9: NHÂN1 (Tụng ngày thứ hai tại thành Tiểu Thẻ. gồm 10 kỉnh)

Kệ tóm tắt 10 kinh:
Nhân, Xứf nhỉ Khổ ấm
Tăng thượng tâm cập Niệm
Sư tử hống, Ưu-đàm
Nguyện, Tưởng tối tại hậu.2
1 Quyển 24. 2 Nguyên tác Nhiếp tụng:;;.Do đặt lại tựa đề
nên Nhiếp tụng không ưùng với tên kinh.

97. KINH NHÂN DUYÊN LỚN12 34 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu9 ngụ tại thị trấn Kiếm- ma-săt-đàm? thuộc nước Câu-lâu. Bây giờ, Tôn giả A-nan một mình tĩnh tọa tại nơi thanh văng, tâm khởi tư duy như vầy: 'Tháp duyên khởi này thật là kỳ diệu, thật là sâu xa, rõ ràng mà lại thâm thúy! Thê nhưng ta quán sát thây pháp này hết sức đơn giản, cực kỳ đơn giản!55 Thế rồi, vào lúc xế chiều, Tôn giả A-nan rời nơi tĩnh tọa, đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Hôm nay con một mình tĩnh tọa tại nơi thanh vắng, tâm khởi tư duy như vầy: "Pháp duyên khởi này thật là kỳ diệu, thật là sâu xa, rõ ràng mà lại thâm thúy! Thê nhưng ta quán sát thây pháp ấy hết sức đơn giản, cực kỳ đơn giản!95 Đức Thế Tôn bảo: Này A-nan! Thầy chớ nghĩ rằng: "Pháp duyên khởi này hết sức đơn giản, cực kỳ đơn giản!,, Vì sao như thế? Vì pháp duyên khởi này thật là kỵ diệu, thật là sâu xa, rõ ràng mà lại thâm thúy! Này A-nan! Chính vì không biết như thật, không thấy như thật, không giác ngộ, không thông đạt pháp duyên khởi này, nên khiến cho chúng sinh bị dính mắc với nhau như đan trên khung cửi,2 như dây cỏ dại ràng rịt quấn nhau/ thường xuyên rối loạn, tấp nập ồn ào, trôi lăn từ đời này sang đời khác, từ kiếp nọ đen kiếp kia, cứ qua lại như vậy không the ra khỏi vòng sanh tử. Này A-nan! Thế nên phải biết, pháp duyên khởi này thật là kỳ diệu, thật là sâu xa, rõ ràng mà lại thâm thúy! Này A-nan! Nếu có người hỏi: "Già và chết có do duyên kh6ng?" Hãy trả lời như vầy: "Gi-chết có do duyên?5 Nếu lại hỏi: "Già-chết do duyên gi?" Nên đáp: "Do duyên sanh.”4

1 Nguyentac: Đại nhân kỉnh (r.01.0026.97.0578b07). Tham chiếu: Đại duyên phương tiện kỉnh (f.01. 0001.13. 0060a29); Nhân bổn dục sanh kinh (roi. 0014. 0241c23); Đại sanh nghĩa kỉnh (roi. 0052. 0844Ồ09); D. 15, Mahānidāna Sutta (Kỉnh đại duyên). 2 Nguyên tác: Nhự chức cơ tương tỏa ().D. 15, Mahānidāna Sutta (Kỉnh đại duyên)'. Tantākulakajātā (rối như cuộn chỉ). 3 Nguyên tác: Như uẩn mạn thảo ( )."Uẩn"()dùng như chữ "uẩn" (ếm): Dây gai rối (). Mạn thảo ():Loài cỏ dại ()mà thân của chúng ràng rịt quấn lấy nhau ().D. 15, Mahãỉdãna Sutta (Kỉnh đại duyên)'. Muñjapabbctjabhūtā (các loài lau sậy). 4 Sanh ().

Này A-nan! Nếu có người hỏi: "Sanh có do duyên kh6ng?" Nên đáp: “Sanh cũng do duyên.,, Nếu lại hỏi: "Sanh do duyên gi?" Nên đáp: “Do duyên nơi hữu."5 Này A-nan! Nếu có người hỏi: "Hữu có do duyên kh6ng?" Nên đáp: "Hữu cũng do duyen." Nếu lại hỏi: "Hữu có duyên gi?" Nên đáp: “Do duyên nơi thỉu"6 Này A-nan! Nếu có người hỏi: "Thủ có do duyên kh6ng?" Nên đáp: "Thủ cũng do duyên.9, Nếu lại hỏi: "Do duyên gi?" Nên đáp: "Do duyên nơi ái."7 Này A-nan! Đó là do duyên ái nên có thủ, do duyên thủ nên có hữu, do duyên hữu nên có sanh, do duyên sanh nên có già và chết, do duyên già-chết nên có buồn lo, khóc than, khổ não... Như vậy là toàn bộ khối khổ đau lớn sanh khởi. [0578c06] Này A-nan! Do duyên sanh nên có già-chết. ở đây nói do duyên sanh nên có già-chết, nên biết, vì do duyên sanh nên có già-chết. Này A-nan! Nêu không có sự sanh ra của các loài như cá và các loài cá, chim và các loài chim, muôi va các loai muôi, rong va các loai rong, than va các loai than, quy và các loài quỷ, trời và các loài trời, người và các loài người thì này A-nan, các loài chúng sanh như thế này hay như thế kia, ở bất cứ nơi này hay nơi kia, nếu không có sự sanh ra của bất cứ loài nào, giả sử đã xa lìa sự sanh ra thì có già- chết chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! -Thê nên, này A-nan! Nên biêt răng nguyên nhân của già-chêt? sự tập khởi của già-chết, gốc rễ của già-chết, duyên của già-chết, đều từ sanh mà ra. Vì sao như thế? Vì do duyên sanh nên có già-chết. Này A-nan! Do duyên hữu nên có sanh. ở đây nói do duyên hữu nên có sanh, nên biết, vì do duyên hữu mà có sanh. A-nan! Nếu không có sự hữu của các loài như cá và các loài cá, chim và các loài chim, muỗi và các loài muỗi, rông và các loài rông, thân và các loài thân, quỷ và các loài quỷ, trời và các loài trời, người và các loài người thì này A-nan, các loài chúng sanh như thế này hay như thế kia, ở bất cứ nơi này hay nơi kia, nếu không có sự hữu của bất cứ loài nào, giả sử đã xa lìa sự hữu thì có sanh chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của sanh, sự tập khởi của sanh, gốc rễ của sanh, duyên của sanh chính là hữu. Vì sao như thế? Vì do duyên hữu nên có sanh. Này A-nan! Do duyên thủ nên có hữu. ở đây nói do duyên thủ nên có hữu, nên biết, vì do duyên thủ mà có hữu. A-nan! Nếu không có thủ, bất cứ loài nào cũng không có thủ, giả sử đã xa lìa thủ thì sẽ có hữu chăng? Có thể dựng lập hữu chăng?

5 Hữu ,bhavo. 6 Thọ ,upãdãnà. 7 Ái ,tanhã.

97. KINH NHÂN DUYÊN LỚN 639

-Thưa không, bạch Thế Tôn! Thê nên, này A-nan! Phải biêt răng nguyên nhân của hữu, sự tập khởi của hữu, gốc rễ của hữu, duyên của hữu chính là thủ. Vì sao như thế? Vì do duyên thủ nên có hữu. Này A-nan! Do duyên ái nên có thủ. ở đây nói do duyên ái nên có thủ, nên biết, vì do duyên ái mà có thủ. A-nan! Nếu không có ái, bất cứ loài nào cũng không có ái, giả sử đã xa lìa ái thì sẽ có thủ chăng? Có thể dựng lập thủ chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! -Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của thủ, sự tập khởi của thủ, gốc rễ của thủ, duyên của thủ chính là ái. Vì sao như thế? Vì do duyên ái nên có thủ. [0579a01] Này A-nan! Đó là, do duyên ái nên có tìm cầu,8 do duyên tìm cầu nên được lợi, do duyên được lợi nên có phân chia, do duyên phân chia nên có nhiễm dục, do duyên nhiễm dục nên có đắm trước, do duyên đắm trước nên có

keo kiệt, do duyên keo kiệt nên có gia sản,9 do duyên gia sản nên có canh giữ.10 Này A-nan! Do duyên canh giữ nên có dao gậy, đấu tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói dối, nói hai chiều, phát sanh vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là toàn bộ khối khổ đau lớn sanh khởi. Này A-nan! Nêu không có canh giữ, tát cả chúng sanh đêu không có sự canh giữ, giả sử đã xa lìa sự canh giữ thì có dao gậy, đau tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói dối, nói hai chiều và phát sanh vô lượng pháp xấu, bất thiện chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! -Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng dao gậy, đấu tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói dối, nói hai chiều, phát sanh vô lượng pháp ác, bất thiện thì nhân của chúng, sự tập khởi của chúng, gốc rễ của chúng và duyên của chúng đều là do canh giữ. Vì sao như thế? Vì do duyên canh giữ nên mới có dao gậy, đấu tranh, dua ninh, lừa gạt, nói dối, nói hai chiều và sanh khởi vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là toàn bộ khối khổ đau lớn sanh khởi. Này A-nan! Do duyên gia sản nên có canh giữ. ở đây nói do duyên gia sản nên có canh giữ, nên biêt, vì do duyên gia sản nên có canh giữ. A-nan! Nêu không có gia sản, tất cả chúng sanh đều không có gia sản, giả sử đã xa lìa gia sản thì có canh giữ chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn!

8 Nguyên tác: cầu (,pariyesanā)'. Sự tầm cầu. 9 Nguyên tác: Gia ():Gia nghiệp hay gia sản (,). 10 Nguyên tác: Thủ (,ārakkha):Canh giữ. Những yếutố lamduyen cho nhau như: Ái, cầu, lợi, phân, nhiêm dục, trước, xan, gia, thủ (S,,,,,,).Tham chiêu: Đại duyên phương tiện kinh (7.01. 0001.13.
0060cl2-c21): Ái (),cầu (),lọi (ÍÚ), dụng (M), dục (trước ()tật (thủ ()hộ ()D.
15, Mahānidāna Sutta (Kỉnh đại duyên)'. Tanhā (tham ái), pariyesanā (tầm cau)^ lābho (lợi lộc), vinicchayo (quyết định, sư dụng), chandarāgo (ham muốn), ajjhosānarn (tham chap), pariggaho (ôm giữ chặt), macchariyāni (keo lân), ārakkho (canh giữ).

-Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của canh giữ, sự tập khởi của canh giữ, gốc rễ của của canh giữ, duyên của canh giữ chính là gia sản. Vì sao như thế? Vì do duyên gia sản nên có canh giữ. Này A-nan! Do duyên keo kiệt nên có gia sản. ở đây nói do duyên keo kiệt nên có gia sản, nên biết, vì do duyên keo kiệt nên có gia sản. A-nan, nếu không có keo kiệt, tất cả chúng sanh đều không keo kiệt, giả sử đã xa lìa keo kiệt thì có gia sản chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của gia sản, sự tập khởi của gia sản, gốc rễ của gia sản, duyên của gia sản chính là keo kiệt. Vì sao như thế? Vì duyên keo kiệt nên có gia sản. Này A-nan! Do duyên đắm trước nên có keo kiệt, ở đây nói do duyên đắm trước nên có keo kiệt, nên biết, vì do duyên đắm trước nên có keo kiệt. A-nan, nếu không có đắm trước, tất cả chúng sanh đều không đắm trước, giả sử đã xa lìa sự đắm trước thì có keo kiệt chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! -Thê nên, này A-nan! Phải biêt răng nguyên nhân của keo kiệt, sự tập khởi của keo kiệt, gốc rễ của keo kiệt, duyên của keo kiệt chính là đắm trước. Vì sao như thế? Vì do duyên đắm trước nên có keo kiệt. Này A-nan, do duyên nhiễm dục nên có đắm trước, ở đây nói do duyên nhiễm dục nên có đắm trước, nên biết, vì do duyên nhiễm dục nên có đắm r . r y -í -i /v trước. A-nan! Nêu không có nhiêm dục, tát cả chúng sanh đêu không có nhiêm dục, giả sử đã xa lìa nhiễm dục thì

có đắm trước chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! [0579b01] Thê nên, này A-nan, phải biêt răng nguyên nhân của đăm trước, sự tập khởi của đắm trước, gốc rễ của đắm trước, duyên của đắm trước chính là nhiễm dục. Vì sao như thế? Vì do duyên nhiễm dục nên có đắm trước. Này A-nan! Do duyên phân chia nên có nhiễm dục. ở đây nói do duyên phân chia nên có nhiễm dục, nên biết, vì do duyên phân chia nên có nhiễm dục. A-nan! Nêu không có phân chia, tát cả chúng sanh đều không có phân chia, giả sử đã xa lìa sự phân chia thì có nhiễm dục chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! The nên, này A-nan, phải biết rằng nguyên nhân của nhiễm dục, sự tập khởi của nhiêm dục5 gốc rễ của nhiễm dục, duyên của nhiễm dục chính là phân chia. Vì sao như the? Vì duyên phân chia nên có nhiễm dục. Này A-nan! Do duyên được lợi nên có phân chia. ở đây nói do duyên được lợi nên có phân chia, nên biết, vì do duyên được lợi nên có phân chia. A-nan! Nêu không có sự được lợi, tất cả chúng sinh đều không màng đến được lọi, giả sử đã xa lìa sự được lợi thì có phân chia chăng?

97. KINH NHÂN DUYÊN LỚN 641

-Thưa không, bạch Thế Tôn! Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của phân chia, sự tập khởi của phân chia, góc rê của phân chia, duyên của phân chia chính là sự được lợi. Vì sao như thế? Vì do duyên được lợi nên có phân chia. Này A-nan! Do duyên tìm cầu nên có được lợi. ở đây nói do duyên tìm câu nên có được lợi, nên biết, vì do duyên tìm càu nên có được lợi. A-nan! Nếu không có tìm cầu, tất cả chúng sinh đều không tìm cầu, giả sử đã xa lìa tìm cầu thì có sự được lợi chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! Thế nên, này A-nan, phải biết rằng nguyên nhân của được lợi, sự tập khởi của được lợi, gốc rễ của được lợi, duyên của được lợi chính là tìm cầu. Vì sao như thế? Vì do duyên tìm cầu nên có được lợi. Này A-nan! Do duyên ái nên có tìm cầu. ở đây nói do duyên ái nên có tìm câu, nên biêt, vì do duyên ái nên có tìm câu. A-nan! Nêu không có ái, tát cả chúng sinh đều không có ái, giả sử đã xa lìa ái thì có tìm cầu chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Thê nên, này A-nan! Phải biêt răng nguyên nhân của tìm câu, sự tập khởi của tìm cầu, gốc rễ của tìm cầu, duyên của tìm cầu chính là ái. Vì sao như thế? Vì do duyên ái nên có tìm cầu. Này A-nan! Dục ái11 và hữu ái?12 hai pháp này đều nhân nơi thọ,1314 duyên nơi thọ mà sanh ra. A-nan! Nêu có người hỏi: "Tho có do duyên kh6ng?" Hãy nên đáp: "Thọ cũng có do duyên.Nếu lại hỏi: "Thọ duyên gi?" thì nên đáp: "Duyên nơi xúc."14 Nên biết rằng, do duyên xúc nên có thọ. Này A-nan! Nếu không có sự tiếp nhận của mắt, tất cả chúng sanh đều không có sự tiếp nhận của mắt, giả sử đã xa lìa sự tiếp nhận của mắt thì sẽ có duyên sự tiếp nhận của mắt để sanh ra cảm thọ vui, cảm thọ kho và cảm thọ không vui không kho chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! -Này A-nan! Nếu không có tai, mũi, lưỡi, thân và sự tiếp nhận của ý, tất cả chúng sanh đều không có sự tiếp nhận của ý? giả sử đã xa lìa sự tiếp nhận của ý thì sẽ có duyên sự tiếp nhận của ý để sanh ra cảm thọ vui, cảm thọ kho và cảm thọ không vui không khổ chăng? [0579c02] Thưa không, bạch Thế Tôn! Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của thọ, sự tập khởi của thọ, gốc rễ của thọ, duyên của thọ chính là xúc. Vì sao như the? Vì duyên xúc nên có thọ.

11 Dục ái ,kãmatanhã.

12 Hữu ái ,bhavcítcựiiỉã.

13 Giác tân dịch là "th".Tiếng Pali tương đương là vedanā.

14 Canh lạc cách dịch khác của "xiíc",phassā.

Này A-nan! Nếu có người hỏi: "Xúc có do duyên khong?99 thì nên đáp: "Xúc có do duyen.^ Nếu lại hỏi: "Xúc duyên gi?" thì nên đáp: "Duyên danh sắc."15 Nên biết rằng, do duyên danh sắc mà có xúc. Này A-nan! Do sở hành, sở duyên1516 mà có danh thân.17 Nếu lìa hành, lìa duyên này thì có xúc hữu đối18 chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Này A-nan! Do sở hành, sở duyên mà có sắc thân. Nấu lìa hành, lìa duyên này thì có xúc tăng ngữ19 chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! -Giả sử lìa danh thân và sắc thân thì sẽ có xúc hoặc xúc được dựng lập chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! -Này A-nan! Thế nên, phải biết rằng nguyên nhân của xúc? sự tập khởi của xúc, gốc rễ của xúc, duyên của xúc chính là danh sắc. Vì sao như the? Vì duyên danh sắc nên có xúc.

15 Danh sác nāmarūpa. 16 Sở hành, sở duyên Hành ở đây chỉ cho hành tướng, tướng, tướng mạo , sở duyenj^i^ chỉ cho những dấu hiệu, đôi tượng, sự biêu hiện. A-tỳ-đạt-ma Thuận chảnh lý íũạn ĨỈ́ íT.29 1562.029. 0506a20 đã dẫn lại Đại 'duyên khơi kinh , tên khác của Đại nhân kỉnh .Bản dịch Việt giải thích: "Do có cacjianh tướng, do có các biêu hiện mà dựng lập danh thân".Cùng diễn đạt vê nghĩa này, D. 15, Mahānidāna Sutta Kinh đại duyên dùng 3 cụm từ ākārā hành tướng, tướng mạo, liñga dâu, dâu hiệu, nimitta tướng, hình tướng, tướng trạng, dấu hiệu. 17 Danhthan ,nāmakāyā. Theo Du-gia sư địa luân 0.30. 1579.03. 0293c04, “danh than"l một trong 24 loại:tâm bất tương ưng hành,,J gồm: đắc, vô tưởng định, diệt tận định, vô tưởng dị thục, mạng căn chúng đồng phận, dị Ặnh tánh, sanh, lão, trụ, vồ thương, danh thân, cú thân, văn tìiâỉi, lưu chuyền, định dị, tương ưng, thế tốc, thứ đế, thời, phương, số, hòa hợp, bất hòa họp ; ,::,,:: .Trong Sn. v. 1274 cũng xuất hiện cú ngữ này: Evarn muni nāmakāyā vimutto, Atthāni paleti na upeti sañkham Cũng vậy, vị ân sĩ, được giải thoát danh thân, đi đến chô tận cùng, không có thể ước lượng, HT. Thích Minh Châu dịch. <4Danh thân" trong Kinh tạng Nikāya được hiểu là mọt nhóm các tâm va tâm sở của chúng. 18 Nguyên tác: Hữu đối canh lạc Patighasamphassa: Xúc chạm có đối ngại nên gọi là hữu đối xúc.A-tỳ-đạt-ma Câu-xả luận T.29. 1558.10. 0052c0*5-06 giải thích: Năm loại xúc như nhãn xúc..., vì có sở y là các căn hữu đôi nên g^la hữu đối .A-ty-dat-maPha^uan túcF.26. 1537.012. 0509b20 dẫn lại Đại nhân duyên kinh để giải thích về hữu đôi xúc: í4Nêu nương tựa tướng này đê dựng lập sắc thân, nêu như tương này không ton tại thì có thể dựng lập xúc hữu đối chăng? Thưa khống! Bạch Thế Ton.^ ,3.tì <. 19 Nguyen tác: Tăng ngữ canh lạc ,trực dịch từ Adhivacanasamphassa. A-tỳ-đạt-ma Câu-xả luận T.29. 1558.10. 0052c06-10 giải thích: Loại thứ 6 là ý xúc, tức là xúc của ý căn, có tên là "tăng ngữ"

abhivacana, [có nghĩa là loại xúc làm cho ngôn ngữ trở nên phong phú]. Bởi vì sao? Vì "tăng ngư,? la danh tên gọi; mà danh là sở duyên tối hảo của loại xúc tưcmg ưng VỚI ý thức; như kinh luận tưng nói: "Nhơ có nhan thức nên biết đươc màu xanh nhưng không biêt được đó là màu xanh; nhờ có ý thúc nên biết được màu xanh và cũng biết được đó là màu xanh." Vì vậy mới nói là tối hảo. Như vậy loại xúc thứ 6 đươc gọi tên theo sở duyên đặc thù của nó Đạo Sinh dịch. Theo A-tỳ-đạt- ma Giới thân túc luận ,T.26. 1540.01. 0614Ồ25, 4ítặng ngữ xiíc" là một trong 5 loai xúc, gôm một là hữu đôi xúc, hai là tăng ngữ xúc, ba là minh xúc, bôn là vô minh xúcvà năm là chẳng phải minh, chẳng phải vô minh xúc ,, .Và ở trang 0615bll, bộ luận này đã giải thích: Sao gọi là "tăng ngữ xhc"? Vì xúc tương ưng với ý thức nên gọi là "ng ngữ xhc”?. J

97. KINH NHÂN DUYÊN LỚN 643

Này A-nan! Nếu có người hỏi: "Danh sắc có do duyên chng?" thi nên đáp: "Danh sắc có do duyên.Nếu lại hỏi: "Danh sắc duyên gi?99 thì nên đáp: "Duyên noi thức."2° Nên biêt rằng, do duyên thức mà có danh sắc. Này A-nan! Nếu thức không vào thai mẹ mà chỉ có danh sắc thì có thân này chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! -Này A-nan! Nếu thức mới vào thai liền trở ra ngay thì danh sắc có kết hợp với tinh khí chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! -Này A-nan! Nếu thức căn bản20 21 của bé trai hoặc bé gái bị đoạn hoại và 9 \ r y .. • chăng tôn tại22 thì danh sác có tăng trưởng dân lên chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! Thê nên, này A-nan! Phải biêt răng nguyên nhân của danh săc? sự tập khởi của danh săc5 góc rê của danh săc, duyên của danh sác chính là thức. Vì sao như thế? Vì do duyên thức nên có danh sắc. Này A-nan! Nêu có người hỏi: "Thức có do duyên chăng?^, thì nên đáp: "Thức có do duyen?9 Nếu lại hỏi: "Thức duyên gi?" thì nên đáp: "Duyên danh sắc." Nên biết rằng do duyên danh sắc mà có thức. Này A-nan! Nếu thức không có danh sắc, nếu thức không an lập, không dựa vào danh sắc thì thức có sanh, r 9 *

CÓ già, có bệnh, có chét, có khô chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! -Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng, nguyên nhân của thức, sự tập khởi của thức, góc rê của thức, duyên của thức chính là danh sác. Vì sao như thê? Vì do duyên danh sắc nên có thức. Này A-nan! Đó là, do duyên danh sắc nên có thức, do duyên thức nên cũng có danh sắc, từ đó mà có ngôn ngữ, có danh xưng và có sự diễn đạt về hiện hữu.23 Nghĩa là thức và danh sắc cùng đi với nhau. Này A-nan! Sao gọi là có một loại kiến chấp hữu ngã?

20 Thức viññāna. 21 Nguyên tác: Thức sơ Thức ban đầu, thức căn bản, cũng gọi là Đệ bát thức thức A-l^-da . ^Nguyên tác: Nhược ấu đồng nam, đồng nữ thức sơ đoạn hoại bất hữu giả .D. 15, Mahānidāna Sutta Kinh đại duyên'. Viññānañca hi, ānanda, daharasseva sato vocchijjissatha kumārakassa vā kumārikāya vã Này Ananda, nêu thức bị đoạn trừ trong đứa con nít, hoặc là đồng nam hay đồng nữ..., HT. Thích Minh Châu dịch. 23 Nguyên tác: Tăng ngữ thuyết truyền, truyền thuyết khả thi thiết .Tham chiếu: D. 15, Mahanidāna śutta Kinh đại duyên'. Ettāvatā adhivacanapatho ettāvatā niruttipatho ettāvatā paññattipatho trong giới hạn ấy có con đường danh ngôn, con đường truyên

thuyêt, con đường khái niệm. Theo s. 22.62 - III. Niruttipathā adhivacanapathāpaññattipathā ngôn lộ, danh ngôn lộ, thi thiết lộ, HT. Thích Minh Châu dịch. Đoạn Kỉnh Tương ưng bộ nà^ tiensir± Trang Xuân Giang dịch ra Hán ngữ là: Ngôn ngữ đạo, danh xưng đạo, an lập đạo ,và Tỳ-kheo Bodhi dịch sang
Anh ngữ là: Pathways of language, pathways of designation, pathways of description Con đường ngôn ngữ, con đường đinh danh và con đường mô tả.

644 KINH TRƯNG A-HÀM

[0580a04] Tôn-giả A-nan thưa: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Ph Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyêt giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiêu rõ nghĩa lý. Đức Phật dạy: -Này A-nan! Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ giảng nói cho thay nghe về nghĩa đó. Tôn giả A-nan vâng lời và lăng nghe. Phật dạy: Này A-nan! Có kiến chấp cho rằng thọ là ngã.24 Lại có kiến chấp không cho thọ là ngã? nhưng ngãi có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ. Hoặc lại có kiến chấp không cho rằng thọ là ngã và cũng không cho rằng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ cho răng ngã không cảm thọ gì cả. Này A-nan! Nêu có người cho răng thọ là ngã thì nên hỏi người ây răng: "Ong có ba cảm thọ: Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ và cảm thọ không lạc không khổ; trong ba cảm thọ này, ông cho thọ nào là ng?" Này A-nan! Nên nói tiếp với người ấy: "Nếu lúc có cảm thọ về lạc thọ thì ngay lúc ấy, hai cảm thọ kia là cảm thọ khổ và cảm thọ không khổ không lạc diệt mất; lúc ấy, chỉ có cảm thọ về lạc thọ, nhưng lạc thọ là pháp vô thường, là pháp khổ, là pháp hoại diệt; nếu khi lạc thọ diệt rồi thì người kia không nghĩ rằng 'chẳng phải là ngã diệf chng?" Này A-nan! Nêu chỉ có cảm thọ vê khô thọ thì lúc ây hai cảm thọ kia là cảm thọ lạc và cảm thọ không khổ không lạc diệt mất; người ấy lúc đó chỉ có cảm thọ về khổ thọ, nhưng khổ thọ là pháp vô thường, là pháp khổ, là pháp hoại diệt; nếu khi khổ thọ diệt rồi thì người ấy không nghĩ rằng "chẳng phải là ngã diet" chăng? Này A-nan! Nêu người ây chỉ có cảm thọ vê không khô không lạc thọ thì lúc ấy cả hai cảm thọ kia là lạc thọ và khổ thọ diệt mất, người ấy lúc đó chỉ có cảm giác vê không khô không lạc thọ, nhưng không khô không lạc thọ là pháp vo thường, là pháp khổ, là pháp hoại diệt; nếu khi không khổ không lạc thọ diệt rồi thì người áy không nghĩ rằng “chẳng phải là ngã diet” chăng? Này A-nan, thọ là pháp vô thường như thế, lại xen lẫn25 cả khổ và lạc, lẽ nào lại còn chấp thọ là ngã chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Này A-nan! Thọ là pháp vô thường như vậy, lại xen lẫn cả khổ và lạc, do đó không nên chấp thọ là ngã. Này A-nan! Nêu lại có một loại kiên châp không cho răng thọ là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ thì nên nói với người 24 Nguyên tác: Giác thị thần .Thần chỉ cho tự ngã attā.
25 Nguyên tác: Ly .Nhưng các bản Tống, Nguyên, Minh đều ghi là "tạp”.

97. KINH NHÂN DUYÊN LỚN 645

ấy: "Nếu ông không cảm thọ thì thọ không thể có và không thể nói 'cái này là sở hữu của tôi.999 Này A-nan! Thế thì người ấy có còn chấp "thọ không phải là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm tho" nữa chăng? [0580b03] Thưa không, bạch Thế Ton! Này A-nan! Do đó người ấy không nên chấp như vầy: "Thọ

không phải là ngã, nhung ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thq." Này A-nan! Nêu lại có một loại kiên châp không cho răng thọ là ngã, cũng không cho răng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ châp rằng ngã không cảm thọ gì cả thì nên nói với người ấy: "Nếu ông không cảm thọ, hoàn toàn không có cảm thọ, nhung nếu ngã ở ngoài cảm thọ thì không thể nói ngã thanh tjnh."Nàỵ A-nan! Thế thì người kia có còn chấp thọ không phải là ngã, cũng không chấp ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ nữa chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Này A-nan! Do đó người kia không nên chấp như vầy: uThọ không phải là ngã, cũng không chấp ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ." Đó là một loại kiến chấp có ngã. Này A-nan! Thế nào là một loại không kiến chấp rằng có ngã? Tôn giả A-nan bạch Phật: Kính bạch The Ton! The Ton la cội nguôn cua giao pháp, The Ton la Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyêt giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! Đức Phật liền bảo: Này A-nan! Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ giảng nói cho thầy nghe về nghĩa đó. Tôn giả A-nan vâng lời và lắng nghe. Phật dạy: Này A-nan! Có người không cho răng thọ là ngã, cũng không cho răng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là có khả năng cảm thọ, cũng không cho rằng ngã hoàn toàn không có cảm thọ. Người ấy do không chấp như vậy nên không còn thọ sanh ở thế gian này. Người ấy do không còn thọ sanh nên không còn phiên lụy, do không phiên lụy nên được Niêt-bàn và biêt một cách như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,, Này A-nan! Đó gọi là có ngôn ngữ, có danh xưng và có sự diên đạt vê hiện hữu. Người nào biết như vậy thì không còn gì đê châp thủ. Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo được giải thoát hoàn toàn như vậy thì không có kiến chấp Như Lai tồn tại hay khônẹ tôn tại sau khi chét, Như Lai vừa tôn tại vừa không tồn tại, Như Lai cũng chẳng phải tồn tại cũng chẳng không ton tại. Đây là trường hợp không chấp có ngã.

646 KINH TRƯNG A-HÀM

NàyA-nan! Thế nào gọi là có một loại quan niệm về hữu ngã được chủ trương? Tôn giả A-nan bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! [0580C01] Phật dạy: Này A-nan! Hãy lăng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ giảng nói cho thây nghe về nghĩa đó. Tôn giả A-nan vâng lời và lắng nghe. Phật dạy: - NàyA-nan! Có trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc có hạn lượng."26 Hoặc có trường hợp chủ trương và tuyên bô "ngã không phải là săc có hạn lượng" nên đã chủ trương và tuyên bố "ngãi là sắc vô lượng.,, Hoặc có trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã không phải là sắc có hạn lượng" cũng không chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc vô lượng^, nên đã chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc có hạn lượng.” Hoặc có trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã không phải là sắc có hạn lượng^, cũng không chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc vô lượng59 cũng không chủ trương và tuyên bo "ngã là vô sắc không hạn lượng" nên đã chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc vô lượng. Này A-nan! Với trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc

có hạn lượng.Người ấy chủ trương và tuyên bố trong hiện tại "ngã là sắc có hạn lượng,^ và đến khi lâm chung thì người ấy cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy. Nếu khi ngã lìa xa sắc có hạn lượng này thì người ấy cũng như thế, cũng suy niệm như vậy, tư duy như vậy. Này A-nan! Thực tế là, có trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc có hạn lượng.” Như vậy, gọi là trường hợp kiến chấp rồi dính mắc về "ngã là sắc có hạn lượng. Này A-nan! Lại có trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã không phải là sắc có hạn lượng" nên đã chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc vô lượng/5 Người ấy chủ trương và tuyên bố trong hiện tại "ngã là sắc vô lượng" và đến khi lâm chung thì người ấy cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy. Nếu khi ngã lìa xa sắc vô lượng này thì người ấy cũng như thế, cũng suy niệm như vậy5 tư duy như vậy. Này A-nan! Thực tế là, có trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc vô lượng.^, Như vậy, gọi là trường hợp kiến chấp rồi dính mắc về "ngã là sắc vô lượng.,^ Này A-nan! Lại có trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã không phải là sác có hạn lượng,, cũng không chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc vô luợng"

26 Nguyên tác: Thiểu sắc thị thần .Thiểu có tương đương Pali là paritto, vừa có nghĩa là ít vừa mang nghĩa là giới hạn. J

nên đã chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc có hạn lượng?5 Người ấy chủ trương và tuyên bố trong hiện tại "ngã là vô sắc có hạn lượng^, và đến khi lâm chung thì người ấy cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy. Nếu khi ngã rời xa vô sắc có hạn lượng này thì người ấy cũng như thế, cũng suy niệm như vậy, tư duy như vậy. Này A-nan! Thực tế là, có trường hợp chủ trương và tuyên bố 'ng? là vô sác có hạn hrợng." Như vậy, gọi là trường hợp kiến chấp rồi dính mắc về "ngã là vô sắc có hạn luợng." Này A-nan! Lại có trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã không phải là sắc có hạn luợng" cũng không chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc vô lượng99 cũng không chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc không hạn luợng" nên đã chủ trương và tuyên bô "ngã là vô sác vô hrợng." Người ây chủ trương và tuyên bố trong hiện tại "ngã là vô sắc vô lượng^, và đến khi lâm chung thì người ấy cũng nói như vậy, cũng thây như vậy. Nêu khi ngã rời xa vô săc vô lượng này thì người ấy cũng như the, cũng suy niệm như vậy, tư duy như vậy. Này A-nan! Thực tế là, có trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc vô lượng.^^ Như vậy5 gọi là trường hợp kiến chấp rồi dính mắc về "ngã là vô sắc vô lượng.,, Đó là những trường hợp chủ trương và tuyên bô có một hữu ngã. [058la08] Này A-nan! Thế nào là những trường hợp không chủ trương và tuyên bố có một hữu ngã? Tôn giả A-nan bạch Phật: r \ _ r Kính bạch The Ton! The Ton la côi nguôn cua giáo pháp, The Ton la Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý. Đức Phật liền bảo: Này A-nan! hãy lăng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ giảng nói cho thây nghe về ý nghĩa đó. Tôn giả A-nan vâng lời và lắng nghe. Phật dạy: Này A-nan! Có trường hợp không chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc có hạn lượng,\ cũng không chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc vô lượng,\ cũng không chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc có hạn lượng,\ cũng không chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc vô luợng." Này A-nan! Trường hợp không

chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc có hạn lượng.59 Người ấy không chủ trương và tuyên bố trong hiện tại "ngã là sắc có hạn lượng,, và đến khi lâm chung thì người ấy cũng không nói như vậy, cũng không thấy như vậy. Nếu khi ngã rời xa khỏi sắc có hạn lượng này thì người ấy cũng không nghĩ như vậy, như vậy, cũng không nhớ như vậy. Này A-nan! Thực tế là có trường hợp không chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc có hạn lượng.,, Như vậy gọi là trường hợp không kiên châp roi dính mác vê "ngã là sắc có hạn luợng."

Này A-nan! Lại có trường hợp không chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc vô lượng.” Người ấy không chủ trương và tuyên bố trong hiện tại "ngã là sác vô lượng^, và đến khi lâm chung thì người ấy cũng không nói như vậy, cũng không thấy như vậy. Nếu khi ngã rời xa khỏi sắc vô lượng này thì người ấy cũng không nghĩ như vậy, như vậy, cũng không nhớ như vậy. Này A-nan! Thực tê là, có trường hợp không chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc vô luợng." Như vậy, gọi là trường hợp không kiến chấp rồi dính mắc về "ngã là sắc không vô luợng." jF r

Này A-nan! Lại có trường hợp không chủ trương và tuyên bô "ngã là vô săc có hạn lượng.59 Người ấy không chủ trương và tuyên bố trong hiện tại "ngã là vô sắc có hạn luợng" và đến khi lâm chung thì người ấy cũng không nói như vậy, cũng không thấy như vậy. Nấu khi ngã rời xa khỏi vô sắc có hạn lượng này thì người ấy cũng không nghĩ như vậy, như vậy, cũng không nhớ như vậy. Này A-nan! Thực tế là, có trường hợp không chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc có hạn lượng?9 Như vậy, gọi là trường hợp không kiên châp roi dính mác vê "ngã là vô sắc có hạn lượng. [0581b05] Này A-nan! Lại có trường hợp không chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc vô lượng?5 Người ấy không chủ trương và tuyên bố trong hiện tại "ngã là vô sắc vô luợng" và đến khi lâm chung thì người ấy cũng không nói như vậy, cũng không thây như vậy. Nêu khi ngã rời xa khỏi vô săc vô lượng này thì người ấy cũng không nghĩ như vậy, như vậy, cũng không nhớ như vậy. Này A-nan! Thực tế là5 có trường hợp không chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc vô lượng.^, Như vậy, gọi là trường hợp không kiến chấp rồi dính mắc về "ngã là vô sắc vô lượng,,, Này A-nan! Đó gọi là những trường hợp không chủ trương và tuyên bố có một hưu ngã. Lại nữa, này A-nan! Có bảy trú xứ của thức và hai xứ. Bảy trú xứ của thức gồm những gì? Chúng sanh hữu sắc có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tưởng, đó là loài người và chư thiên cõi Dục. Đây là trú xứ thứ nhất của thức. Lại nữa, A-nan! Chúng sanh hữu sắc với nhiều thân nhưng chỉ có một loại tưởng, đó là Phạm thiên lúc mới sanh ra và không yểu thọ. Đây là tru xứ thứ hai của thức. Lại nữa, A-nan! Chúng sanh hữu sắc với một loại thân nhưng nhiều loại tưởng, đó là Hoảng Dục thiên.27 Đây là trú xứ thứ ba của thức. Lại nữa, A-nan! Chúng sanh hữu sắc với một loại thân và một loại tưởng, đó là Biến Tịnh thiên.28 Đây là trú xứ thứ tư của thức. J Lại nữa, A-nan! Chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt trừ hữu đối tưởng, không tư duy các loại tưởng, vào Không vô biên xứ, thành tựu an

27 Hoảng Dục thiên Ābhassarā. 28 Biến Tịnh thiSn Subhakinnā.

trú Không vô biên xứ,29 đó là Không Vô Biên Xứ thiên. Đây là trú xứ thứ năm của thức. Lại nữa, A-nan! Chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu an trú Thức vô biên xứ,3031 đó là Thức Vô Biên Xứ thiên. Đây là trú xứ thứ sáu của thức. Lại nữa! Chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ5 thành tựu an tru Vô sở hữu xú*,31 đó là Vô Sở Hữu Xứ thiên. Đây là tru xứ thứ bảy của thức. Thế nào là có hai xứ? Chúng sanh hữu sắc không có tưởng, không có thọ, đó là Vô Tưởng thiên,3233 đây là xứ thứ nhất. Lại nữa, A-nan! Chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ? vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ? thành tựu an trủ Phi tưởng phi phi tưởng xứ,33 đó là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thiên, đây là xứ thứ hai. [0581C02] Này A-nan! Đối với trú xứ thứ nhất của thức, chúng sanh hữu sắc với các loại thân và các loại tưởng, đó là loài người và chư thiên cõi Dục. Nếu Tỳ-kheo biết như thật tru xứ ấy của thức, biết sự tập khởi trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vi ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan! Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Này A-nan, đối với trú xứ thứ hai của thức, chúng sanh hữu sắc với các loại thân nhưng chỉ một loại tưởng, đó là chúng Phạm thiên mới sanh ra và không yểu thọ. Nếu Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vi ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thê vui thích nơi trú xứ của thức ây, chập trước và an trụ nơi tru xứ ấy của thức chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! r r Này A-nan! Đôi với trú xứ thứ ba của thức, chúng sanh hữu sác với một loại thân nhưng nhiều loại tưởng, đó là Hoảng Dục thiên. Nếu Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi trú xứ của thức, biết sự diệt tận5 biết vị ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có the vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng? Thưa không, bạch Thế Tôn!

29 Vô lượng không xứ Ākāsānañcāyatana.

30 Vô lượng thức xứ Viññānañcāyatana.

31 Vô sở hữu xứ Ākiñcaññāyatana.

32 Vô Tưởng thiên Asaññasattāyatana.

33 Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ ,Nevasaññānāsaññāyatana.

Này A-nan! Đối với trú xứ thứ tư của thức, chúng sanh hữu sắc với một loại thân, với một loại tưởng, đó là Biển Tịnh thiên. Nếu Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi tru xứ của thức, biết sự diệt tận, biêt vị ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thê vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chập trước và an trụ nơi trú xứ ây của thức chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Này A-nan! Đối với trú xứ thứ năm của thức, chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt trừ hữu đối tưởng, không tư duy các loại tưởng, vào Không vô biên xứ, thành tựu an trú Không vô biên xứ, đó là Không Vô Biên Xứ thiên. Nếu Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi trú xứ của thức, biết sự diệt tận biết vi ngọt, biết sự tai hại và biết sự

xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi tru xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Này A-nan! Đôi với trú xứ thứ sáu của thức, chúng sanh vô sác vượt qua tất cả Không vô biên xứ? vào Thức vô biên xứ5 thành tựu an tru Thức vô biên xứ, đó là Thức Vô Biên Xứ thiên. Nêu Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có the vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Này A-nan! Đối với tru xứ thứ bảy của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ, đó là Vô Sở Hữu Xứ thiên. Nếu Tỳ-kheo biết như thật tru xứ ấy của thức, biết sự tập khởi tru xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng? [0582a05] - Thưa không, bạch Thế Tôn! -Này A-nan! Đoi với xứ thứ nhất, các chúng sanh hữu sắc không có tưởng, không có thọ, đó là Vô Tưởng thiên. Nếu Tỳ-kheo biết như thật xứ ấy của thức, biêt sự tập khởi xứ ây của thức, biêt sự diệt tận, biết vị ngọt, biết sự tai hại và biêt sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! Này A-nan! Đối với xứ thứ hai của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thành tựu an trú Phi tưởng phi phi tưởĩiệ xứ, đó là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thiên. Nếu Tỳ-kheo biết như thật xứ ây của thức, biêt sự tập khởi xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biêt sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng?

97. KINH NHÂN DUYÊN LỚN 651

-Thưa không, bạch Thế Tôn! Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo biết như thật về bảy tru xứ của thức và hai xứ kia, tâm không nhiễm trước, được giải thoát, đó gọi là Tỳ-kheo A-la-hán thành tựu Tuệ giải thoát. Lại nữa, này A-nan! Có tám pháp giải thoát. Là tám pháp nào? Có sắc, quán sắc, đó là giải thoát thứ nhất. Lại nữa, bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán sắc, đó là giải thoát thứ hai. Lại nữa, với tịnh giải thoát, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ, đó là giải thoát thứ ba. Lại nữa, vượt qua tát cả sác tưởng, diệt trừ hữu đôi tưởng, không tư duy các loại tưởng, vào Không vô biên xứ, thành tựu an trụ Không vô biên xứ, đó là giải thoát thứ tư. Lại nữa, vượt qua tát cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu an trụ Thức vô biên xứ, đó là giải thoát thứ năm. Lại nữa, vượt qua tất cả Thức vô biên xứ5 vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ Vô sở hữu xứ, đó là giải thoát thứ sáu. Lại nữa, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ? thành tựu an trụ Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là giải thoát thứ bảy. Lại nữa, vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ? tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ Tưởng thọ diệt giải thoát và biết do tuệ quán mà trừ sạch các lậu5 đó là giải thoát thứ tám. A-nan! Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về bảy trú xứ của thức và hai xứ kia, tâm không nhiễm trước, được giải thoát với tám giải thoát này, tự thân tác chứng, thành tựu an trụ trong chiều thuận và nghịch, cũng do tuệ quán mà trừ sạch các lậu, đó gọi là Tỳ-kheo A-la-hán thành tựu Câu giải thoát.34 [0582b04] Đức Phật dạy như vậy? Tôn giả

A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

34 Câu giải thoát Ubhatobhāgavimutto) còn gọi là "cau phần giải thoát." A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận (26. 1536.J0. 0436a06-a07) giải thích: Bậc thành tựu và an trú 8 giải thoát, sau đó dùng trí tuệ đoạn tận mọi phiền não thì được gọi là bậc Giải thoát cả 2 phần (Ị B). Xem thêm M. 70, Kītāgiri Sutta (Kinh Kītāgirī): "Thnào là bậc Câu phân giải thoát? ơ đây, này các Tỷ-kheo, có người, sau khi thân đã chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp và sau khi đã thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vi này, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người Câu phần giải thoát" HT. Thích Minh Châu dịch.

98. KINH NIỆM xứ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, ngụ tại thị trấn Kiếm- ma-sắt-dàm, thuộc nước Câu-lâu. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có một con đường tịnh hóa chúng sanh, vượt khỏi lo sợ5 diệt trừ khổ não, chấm dứt khóc than, chứng được Chánh pháp, đó là bốn niệm xứ.2 Các đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở quá khứ đều đoạn trừ năm loại ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô? khiến tuệ yếu kém, tâm an trụ vững chãi nơi bốn niệm xứ5 tu tập bảy giác chi3 mà thành tựu giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.45Các đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở vị lai cũng đều đoạn trừ năm loại ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém, tâm an trụ vững chãi nơi bon niệm xứ, tu tập bảy giác chi mà thành tựu giác ngộ Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay trong hiện tại, Ta là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng đều nhờ đoạn trừ năm loại ngăn che, là những thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, tâm an trụ vững chãi nơi bon niệm xứ, tu tập bảy giác chi mà thành tựu giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bon niệm xứ là những gì? Đó là niệm xứ quán thân đúng như thân/ quán thọ6 đúng như thọ, quán tâm đúng như tâm và quán pháp đúng như pháp. Thế nào là niệm xứ quán thân đúng như thân? Nghĩa là Tỳ-kheo khi đi thì biết mình di, khi đứng thì biết mìiủi đứng, khi ngồi thì biết mình ngồi, khi nằm thì biết mình nằm, khi ngủ thì biết mình ngủ, khi thức thì biết mình thức, khi

1 Nguyên tác: Niệm xứ kỉnh T.01. 0026.98. 0582b07. Tham chiếu: Phân biệt Thảnh đếr kỉnh 61. 0026.31. 0467a28; Ww thân kỉnh T.Ol. 0026.81. 0554c 10; Tứ đế kinh r.01. 0032. 0814b08; Tăng.j.02. 0125.12.1. 0568a01; D. 10, Mahāsatipaithāna Sutta Kinh đại niệm xứ; M. 10, Satipatthāna Sutta Kinh niệm xứ; M. 119, Kāyagatāsati Sutta Kinh niệm than. 2 Bốn niệm XÚT ,cattāro satipatthānd. 3 Thất giác chi ,saptabodhyañgānī .

4 Nguyên tác: Vô thượng chánh tận chi giác . 5 Nguyên tác: Quán thân như thân .Như Giống như, đúng như .Tham chiếu: M. 10: Anupassī, có nghĩa là quán sát liên tục, từ sát-na này đến sát-na khác, chuyên chú quán sát. ở một phương diện khác thì anu là tiếp đầu ngữ, có nghĩa tùy theo, hm theo, đúng theo. Chính vì vậy mà ariupassī, đọng từ là ạnupassatỉ, con được dịch là "tùy l".Đoạn kinh giải thích tiếp theo cũng bổ nghĩa cho điều này. 6 Nguyên tác: Giác ,tân dịch là "thQ".Tiếng Pâli tương đương là vedanā.

ngủ chập chờn thì biết mình ngủ chập chờn. Cứ như vậy5 Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thây biêt rõ ràng, sáng suốt minh đạt.7 Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo biết rõ lúc ra lúc vào, khéo quán sát và phân biệt; khi co, khi duỗi, lúc cúi, lúc ngước, dung mạo khoan thai, khoác y chỉnh tề, cầm bát ngay thẳng; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng thảy đều nhận biết rõ ràng. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thây biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo khi sanh khởi niệm xấu ác, bất thiện, liền dùng niệm thiện pháp để đối tri, đoạn trừ, diệt sạch, an định. Ví như thầy trò thợ mộc căng dây mực, búng lên khúc gỗ roi dùng rìu bén mà đẽo cho thẳng; Tỳ-kheo khi sanh khởi niệm xấu ác, bất thiện liền dùng niệm thiện pháp để đối trị, đoạn trừ, diệt sạch, an định cũng giống như vậy. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo ngậm răng khít lại, lưỡi ấn lên vòm họng, dùng tâm tri tâm, đối tri, đoạn trừ, diệt sạch, an định.8 Ví như hai lực sĩ giữ chặt một người gầy yếu, xoay chuyển bốn hướng, tùy ý đánh đập. Cũng vậy, Tỳ-kheo ngậm răng khít lại, lưỡi an lên vòm họng, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ, diệt sạch, an định. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. [0582C12] Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào; niệm hơi thở ra thì biết niệm hơi thở ra; thở vào dài thì biết thở vào dài; thở ra dài thì biết thở ra dài; thở vào ngắn thì biết thở vào ngắn; thở ra ngắn thì biết thở ra ngắn; cảm giác toàn thân, thở vào; cảm giác toàn thân, thở ra; an tịnh thân hành, thở vào; an tịnh thân hành, thở ra. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

7 Nguyên tác: Lập niệm tại thân, hữu tri hữu kiến, hữu minh hữu d@t (,). Tham chiêu: M. l o, Satipatthāna Sutta (Kinh niệm xứ): Atāpī sampajāno satimā (nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm), ơ đây, MA. 98 không đê cập đến yếu tố tinh can, nhiệt tâm (ātāpī) như M. 10. J 8Tham chiếu: M. 20, Vitakkasanthāna Sutta (Kinh an trú tầm)'. Bhikkhunā dantebhidantamādhāya jivhāya tāluỉh āhacca cetasā cittarh abhinigganhitabbam abhinippīletabbam abhisantāpetabbarh. Tassa dantebhidantamādhāya jivhāya tālum āhacca cetasā cittarh abhinigganhato abhinippīlayato abhisantāpayato ye pāpakā akusalā vitakkā chandūpasamhitāpi dosūpasamhitāpi mohūpasamhitapi te pahīyanti te abbhattharh gacchanti (Tỷ-kheo áy phải nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chê ngự tâm, nhiêp phục tâm, đánh bại tâm. Nhờ nghiên răng, dán chặtjưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiêp phục tâm, đánh bại tâm, các ác bát thiện tâm liên hệ đên dục, liên hệ đên sân, liên hệ đên si được trừ diệt, đi đên diệt vong), HT. Thích Minh Châu dịch.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục sanh, thấm nhuần vào thân, tràn đầy khắp cả. Khắp trong thân này, hỷ lạc do ly dục sanh, không đâu không có. Ví như người khéo tắm, cho bột tắm vào chậu nước, nước bột tắm thấm vào thân, phủ khắp toàn thân, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục sanh thấm nhuần vào thân, tràn đầy kháp cả. Khắp trong thân này, hỷ lạc do ly dục sanh, không đâu không có. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh, thâm nhuân toàn thân, tràn đây kháp cả. Khăp trong thân thê, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Giống như nguồn suối trên núi, trong sạch không nhơ, đầy ắp, chảy tràn; nước từ bốn phương chảy đến nhưng không thể đổ vào được mà chính từ lòng suối, nước tự phun trào, chảy tràn ra ngoài, thấm ướt cả núi, phủ khắp tràn đầy, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh, thấm nhuần toàn thân, tràn đầy khắp cả. Khắp trong thân thể, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. [0583a07] Lại nữa, Tỳ-kheo quán - thân đúng như y thân f nghĩar là, Tỳ-kheo CÓ lạc do ly hỷ sanh, thâm nhuân toàn thân, tràn đây kháp cả. Kháp trong thân 7 r thê5 lạc do ly hỷ sanh không đâu không có. Giông như các loại sen xanh, sen hồng, sen đỏ, sen trắng sanh ra từ nước, lớn lên trong nước, ở dưới đáy nước, gốc rễ, hoa, lá, cọng thảy đều thấm nước, tràn đầy khắp cả? không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ sanh, tham nhuần toàn thân, tràn đầy khắp cả. Khắp trong thân thể, lạc do ly hỷ sanh không đâu không có. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thây biêt rõ ràng, sáng suôt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, ở trong thân này, Tỳ- kheo với tâm thanh tịnh, ý cởi mở làm cho trùm khắp, thành tựu an trụ; ở trong thân này với tâm thanh tịnh không đâu không cùng khắp. Giống như người trùm một cái áo rộng bảy hoặc tám khuỷu tay, từ đầu cho đến chân, khắp cả thân đều được phủ kín. Cũng vậy, ở trong thân này, Tỳ-kheo với tâm thanh tịnh không đâu không cùng khắp. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo luôn nhớ nghĩ ánh sáng, khéo léo thọ tri, khéo ghi nhớ điều đang niệm, như phía trước, phía sau cũng như vậy; như ở phía sau, phía trước cũng như vậy5 ngày cũng như

đêm, đêm cũng như ngày, dưới cũng như trên, trên cũng như dưới. Nhờ như vậy, tâm không điên đảo, không bị ràng buộc, tâm nhớ nghĩ ánh sáng nên không bao giờ bị bóng tối che lấp. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán

thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo khéo giữ đối tượng quán tưởng, khéo ghi nhớ điều đang niệm. Giống như người ngồi quán sát kẻ nằm, người nằm quán sát kẻ ngồi. Cũng vậy, Tỳ-kheo khéo giữ đoi tượng quán tưởng, khéo ghi nhớ điều đang niệm. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. [0583b04] Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo tùy theo từng chỗ của thân này, tùy theo sự xấu đẹp của thân này mà quán sát từ đầu cho đến chân để thấy chúng thảy đều đầy dẫy các thứ bất tịnh. Trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, da min hoặc thô, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, mật, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não bộ, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ? máu, mỡ, tủy, đàm dãi, nước tiểu, v.v... Như một cái bồn chứa đủ loại hạt giống, người có mắt sáng thì thấy rõ ràng "đây là hạt lúa, hạt kê, kia là hạt cải, hạt cỏ, hạt rau..Cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo từng chô của thân này, tùy theo sự xâu đẹp của thân này mà quán sát từ đầu cho đến chân để thấy chúng đầy dẫy các thứ bất tịnh. Trong thân này của ta có tóc? lông, móng, răng, da mịn hoặc thô, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, mật, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não bộ, nước mắt, mồ hôi? nước mũi, nước miếng, mủ, máu9 mỡ9 tủy, đàm dãi? nước tiểu, v.v... Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo quán sát các giới trong thân, thấy trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Ví như gã đồ tể mổ bò5 lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn, Tỳ-kheo quán các giới trong thân, thấy trong thân này của ta có địa giói, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới cũng giống như the. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo quán xác chết, xác chết mới một, hai ngày, cho đến sáu, bảy ngày, đang bi quạ diều bươi mổ, chó sói cấu xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay đã được chôn lấp, hoặc đang bị rữa nát hư hoại. Quán sát rồi? vi ấy tự so sánh "thân ta ngày nay cũng lại như vậy, đêu sẽ có trường hợp này, không thể tránh được.99 Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán

nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo quán hài cốt bầm xanh, rữa nát gần hết, xương rơi vãi ngổn ngang trên đất, như đã thấy nơi nghĩa địa. Thây rồi, vị ấy tự so sánh "thân ta ngày nay cũng lại như vậy, đều sẽ có trường hợp này, không thể tránh duve." Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo quán bộ xương người chết, không còn da thịt máu huyết, chỉ có xương và gân dính lại với nhau, như đã thấy nơi nghĩa địa. Quán sát rồi tự so sánh "thân ta ngày nay cũng lại như vậy, đều

sẽ có trường hợp này, không thể tránh duve." Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. [0583cl0] Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo quán xương người chết rời ra từng đốt, nằm rải rác khắp nơi như đã thấy nơi nghĩa địa, các xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế5 xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi. Quán rồi, vi ấy tự so sánh "thân ta ngày nay cũng lại như vậy, đêu sẽ có trường hợp này, không thê tránh dug" Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là? Tỳ-kheo quán xương người chét có màu trăng như vỏ ôc? hoặc xanh như lông chim bô câu, hoặc đỏ như màu máu, hoặc mục nát, bể vụn... như đã thấy nơi nghĩa địa. Quán rồi, vị ây tự so sánh "thân ta ngày nay cũng lại như vậy, đêu sẽ có trường hợp này, không thể tránh duọc" Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Nêu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni quán thân đúng như thân với từng chi tiêt như vậy, đó gọi là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tu tập niệm xứ quán thân đúng như thân. Thế nào là niệm xứ quán thọ đúng như thọ? Nghĩa là Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm giác lạc liền biết đang thọ nhận cảm giác lạc; khi thọ nhận cảm giác khổ liền biết đang thọ nhận cảm giác kho; khi thọ nhận cảm giác không lạc không khổ liền biết đang thọ nhận cảm giác không lạc không khổ. Khi thân thọ nhận cảm giác lạc, thân thọ nhận cảm giác khổ, thân thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; khi tâm thọ nhận cảm giác lạc, tâm thọ nhận cảm giác khổ, tâm thọ nhận cảm giác không lạc không kho; cảm giác lạc khi ăn, cảm giác kho khi ăn, cảm giác không lạc không khô khi ăn; cảm giác lạc khi không ăn, cảm giác khô

khi không ăn, cảm giác không lạc không khổ khi không ăn; cảm giác lạc khi có dục, cảm giác khổ khi có dục, cảm giác không lạc không khô khi có dục; cảm giác lạc khi không có dục, cảm giác khổ khi không có dục, cảm giác không lạc không khổ khi không có dục liền biết đang thọ nhận cảm giác không lạc không khổ khi không có dục. Cứ như thế, Tỳ-kheo quán nội thọ đúng như thọ, quán ngoại thọ đúng như thọ5 lập niệm tại thọ, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thọ đúng như thọ. Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni quán thọ đúng như thọ với từng chi tiết như vậy, đó gọi là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tu tập niệm xứ quán thọ đúng như thọ. [0584a05] Thế nào là niệm xứ quán tâm đúng như tâm? Tỳ-kheo có tâm tham dục thì biết đúng như thật có tâm tham dục, có tâm không tham dục thì biết đúng như thật là có tâm không tham dục. Khi có sân hay không sân, có si hay không si, có nhiễm ô hay không nhiễm ô, có hợp hay có tan, có thấp hay có cao, có nhỏ hay có lớn, có tu hay không tu, có đinh hay không định, không có tâm giải thoát thì biết đúng như thật là không có tâm giải thoát, có tâm giải thoát thì biết đúng như thật có tâm giải thoát. Cứ như thế, Tỳ-kheo(quán nội tâm đúng như tâm, quán ngoại tâm đúng như tâm, lập niệm tại tâm, thay biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán tâm đúng như tâm. Nếu Tỳ-kheo hay

Tỳ-kheo-ni quán tâm đúng như tâm với từng chi tiết như vậy, đó gọi là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tu tập niệm xứ quán tâm đúng như tâm. Thế nào là niệm xứ quán pháp đúng như pháp? Khi con mắt duyên sắc, sanh nội kết, nếu bên trong thật có két thì Tỵ-kheo biết đúng như thật bên trong có kết, bên trong thật không có kết cũng biết đúng như thật bên trong không có kết. Nếu nội kết chưa sanh, bây giờ sanh, cũng biết dúng như thật. Nếu nội kết đã sinh và được đoạn trừ, không sinh trở lại nữa, cũng đều biết đúng như thật. Với các căn tai, mũi9 lưỡi, thân và ý cũng giống như thế. Khi ý duyên pháp, sanh nội kết, nếu Tỳ-kheo bên trong thật có kết thì biết đúng như thật là bên trong có kết, bên trong không có kết thì biết đúng như thật là bên trong không có kết, nội két chưa sanh, bây giờ sanh khởi, cũng biết đúng như thật. Nội kết đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, cũng đều biết đúng như thật. Cứ như thế, Tỳ-kheo quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, lập niệm tại pháp, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó gọi là Tỳ-kheo quán pháp đúng như pháp, tức là quán sáu xứ bên trong. Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp đúng như pháp, nghĩa là khi trong tâm thật có tham dục thì Tỳ-kheo biết như thật là có tham dục, trong tâm thật không có tham dục thì biêt như thật là không có tham dục; tham dục chưa sanh, bây giờ sanh khởi, cũng biêt như thật; tham dục đã sanh và được đoạn trừ, không còn sanh trở lại nữa, cũng đêu biêt đúng như thật. Đối với sân hận, thụy miên, trạo cử cũng giông như thê. Bên trong thật có nghi, biết đúng như thật là đang có nghi; bên trong thật không có nghi, biết đúng như thật là không có nghi. Nghi chưa sanh, bây giờ sanh khởi, cũng biết đúng như thật. Nghi đã sanh và đã được

đoạn trừ, không sanh lại nữa, cũng đều biết đúng như thật. Cứ như thế, Tỳ-kheo quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, lập niệm tại pháp, thây biêt rõ ràng, sáng suôt minh đạt. Đó gọi là Tỳ-kheo quán pháp đúng như pháp, tức là quán về năm loại ngăn che. [0584b03] Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp đúng như pháp, nghĩa là khi bên trong thật có niệm giác chi, Tỳ-kheo biết như thật là có niệm giác chi, bên trong thật không có niệm giác chi thì biết như thật là không có niệm giác chi; niệm giác chi chưa sanh, bây giờ sanh khởi, cũng biết đúng như thật; niệm giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, không để suy thoái, việc tu tập càng lúc càng tăng trưởng, cũng đều biết đúng như thật. Đối với các giác chi trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả, cũng giống như vậy. Bên trong thật có xả giác chi thì biết đúng như thật là đang có xả giác chi, bên trong thật không có xả giác chi thì biết đúng như thật là không có xả giác chi. Xả giác chi chưa sanh, bây giờ sanh khởi, cũng biết đúng như thật; xả giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, không để suy thoái, việc tu tập càng lúc càng tăng trưởng, đều biết đúng như thật. Cứ như the, Tỳ-kheo quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, lập niệm tại pháp, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán pháp đúng như pháp, tức là quán về bảy giác chi. Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni quán pháp đúng như pháp với từng chi tiết như vậy, đó gọi là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tu tập niệm xứ quán pháp đúng như pháp. Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tâm an trụ vững chãi nơi bốn niệm xứ này trong vòng bảy năm thì nhất định sẽ chứng được một trong hai quả vi: Hoặc là thành tựu Trí cứu cánh ngay trong hiện tại, hoặc là

chứng đắc A-na-hàm nếu còn hữu dư. Thậm chí không cần phải đến bảy năm mà sáu năm, hay năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm hoặc một năm, hoặc chỉ trong bảy tháng nếu Tỳ- kheo hay Tỳ-kheo-ni tâm an trụ vững chãi nơi bôn niệm xứ cũng sẽ nhát định chứng được một trong hai quả vị ấy. Thậm chí không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai hay một tháng mà chỉ trong bảy ngày bảy đêm nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào tâm an trụ vững chãi nơi bốn niệm xứ thì cũng sẽ nhất đinh chứng được một trong hai quả vi: Hoặc là thành tựu Trí cứu cánh ngay trong hiện tại, hoặc là chứng đắc A-na-hàm nếu còn hữu dư. Cho đến không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hay hai ngày hai đêm, cũng không cần trong một ngày một đêm mà Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào trong từng khoảnh khắc tâm an trụ vững chãi nơi bốn niệm xứ, nếu buôi sáng thực hành như vậy thì nhát định buổi tối liền được thăng tiến, nếu buổi tối thực hành như vậy thì nhất đinh sáng hôm sau sẽ được thăng tiến. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.9

9 Bản Hán, hết quyển 24.

99. KINH KHỔ ẤM1 (1) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ5 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, sau bữa trưa, các Tỳ-kheo vì có chút việc nên tập trung tại giảng đường. Số đông ngoại đạo sau bữa trưa cũng tản bộ tìm đến chỗ các Tỳ-kheo, cùng chào hỏi nhau xong rồi ngồi sang một bên và nói với các Tỳ-kheo rằng:
Này chư Hiền! Sa-môn Cù-đàm hiểu biết rõ ràng rồi chủ trương2 đoạn dục, hiểu biết rõ ràng rồi chủ trương đoạn sắc, hiểu biết rõ ràng rồi chủ trương đoạn thọ. Này chư Hiền! Chúng tôi cũng hiểu biết rõ ràng rồi chủ trương đoạn dục, hiểu biết rõ ràng rồi chủ trương đoạn sắc, hiểu biết rõ ràng rồi chủ trương đoạn thọ. Như vậy, với hai sự hiểu biết và cách đoạn trừ này, giữa Sa-môn Cù- đàm và chúng tôi thì ai thù thắng hơn và có điều gì khác biệt? LÚC ây, các Tỳ-kheo nghe sô đông ngoại đạo hỏi như vậy thì không thê phân biệt đâu là đúng đâu là sai nên im lặng rồi đứng dậy bỏ đi và suy n^ghĩ: "Việc này chúng ta phải nhờ đức Thế Tôn mới biết duve!" Các Tỳ-kheo liền đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi sang một bên, đem những điều đã bàn luận với số đông ngoại đạo ấy thuật lại đầy đủ với đức Phật. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo: -Lúc đó5 các thây nên hỏi sô đông ngoại đạo ây như vây: “Này chư Hiên! Thê nào là vị ngọt của dục? Thê nào là tai họa của dục và thê nào là sự xuât ly của dục? Thế nào là vị ngọt của sắc? Thế nào là tai họa của sắc và thế nào là sự xuất ly của sắc? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là tai họa của thọ và thế nào là sự xuất ly của thQ?" Này các Tỳ-kheo! Nêu các thầy hỏi như vậy, sau khi nghe, họ sẽ chát vân lân nhau vê nhiêu việc khác, dân đên nôi giận và tranh cãi càng thêm gay găt? sau đó họ nhát đinh sẽ từ chô ngôi đứng dậy roi im lăng bỏ đi. Vì sao như vậy? Vì Ta không thấy ai, dù Thiên hay Ma, Phạm thiên, Sa-môn9 Bà-la-môn hay bất cứ người nào khác ở trên đời này có the biết được nghĩa ấy để trình bày rõ ràng, chỉ trừ Như Lai và đệ tử của Như Lai, hoặc những ai được nghe từ Như Lai và đệ tử của Như Lai. 1 Quyển 25.A Nguyên tắc: Khổ ấm kinh, thượng (roi. 0026.99. 0584c08). Tham chiêu: Kho ấm / (roi. 0053.08#6cO%;
Tg.(T.02. 0125.21.9. 0604c07); M. 13, Mahãdukkhakkhandha Sutta (Đại kinh kho uẩn).
2 Nguyên tác: Thi thiết tri ().Tham chiếu: Khổ ấm kinh (T.01. 0053. 0846c13) ghi:
Trí tuệ thuyết ();Tăng.(T.02. 0125. 21-9. 0604c13) ghi: Hằng thuyết ();M. 13:

Pariññam paññapeti (nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn), HT. Thích Minh Châu dịch.

Đức Phật lại dạy: Thế nào là vị ngọt của dục? Đó là nhân bởi năm loại dục mà phát sanh ra lạc và hỷ; vị ngọt của dục chỉ tột cùng đến đó chứ không thể hơn nữa, nhưng tai họa của dục thì rất nhiều. [0585a02] Thế nào là tai họa của dục? Ví như có người thiện nam, tùy theo nghề nghiệp của mình mà tự mưu sinh, hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc đọc sách, hoặc giỏi toán thuật, hoặc thông so thuật, hoặc khéo in khắc, hoặc làm văn chương, hoặc tạo bút tích, hoặc hiểu kinh thư, hoặc làm võ tướng, hoặc hầu hạ vua; dù thời tiết lạnh phải cam chịu lạnh, gặp trời nắng nóng vẫn phải chịu nóng, đói khát mệt nhọc, muôi mòng châm chích, thê nhưng người ây vân phải làm việc để mong kiếm được tiền của. Người thiện nam kia bằng những phương tiện như vậy, làm các công việc như vậy, để mong cầu như vậy, nhưng nếu không kiếm được tiền của thì khổ sở, lo buồn, rầu rĩ, tâm thành si dại và A r 9 2 \ than răng: "Luông công làm lụng, khô nhọc vô ích mà những điêu mong câu không có két qu*!" Trái lại, nêu người thiện nam ây băng những phương tiện như vậy, làm các công việc như vậy, để mong cầu như vậy mà kiếm được tiền của thì sanh tâm mến tiếc, gìn giữ, cất giấu. Vì sao như vậy? Vì người ấy nghĩ: "Tài vật này là của ta, đừng để cho vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc xuất tiền của mà không sinh lợi, hoặc làm việc mà không thành tựu." Kẻ đó giữ gìn, cat giâu như vậy, nhưng nêu không may bị vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại hay mát mát thì khô sở, lo buôn, râu rĩ, tâm thành si dại và than vãn: "Vật ta yêu quý nhớ nghĩ suốt đêm ngày, nay đã không c6n!" Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này đều do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mẹ tranh với con, con tranh với mẹ; cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ giành giật lẫn nhau. Vì giành giật lẫn nhau như vậy nên mẹ bêu xấu con, con bêu xấu mẹ; cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ bêu xấu lẫn nhau. Thân thích còn vậy huống là người ngoài. Đó là khoi kho uẩn ngay trong đời này, đều do nhận nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên vua tranh giành với vua, Bà-la-môn tranh giành với Bà-la-môn, cư sĩ tranh giành với cư sĩ, dân tranh giành với dân, nước này tranh giành với nước kia. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau rồi dùng đủ loại binh khí để giết hại lẫn nhau, hoặc dùng tay dành, hoặc dùng đá ném, hoặc dùng gậy đánh, hoặc dùng dao chém. Trong khi giao đau thì có kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, đều do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác, cung tên, đao thuẫn rồi xông

pha trận mạc; hoặc dùng các phương tiện như voi, ngựa, xe, bộ binh để đánh nhau, hoặc cho nam nữ đánh nhau. Trong khi giao chiến thì có kẻ chết, người sợ hãi, kho sở vô cùng. Đó là khoi kho uẩn ngay trong đời này, đều do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. [0585b04] Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục

làm gốc, cho nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác, cung tên, đao thuẫn, để đi chiếm đoạt nước người, đánh thành, phá lũy, chống cự lẫn nhau, thúc trống, thổi kèn9 lớn tiếng chửi bới; hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc sử dụng bánh xe sắc bén, hoặc dùng tên bắn, hoặc lăn đá đè, hoặc dùng nỏ lớn, hoặc nấu chảy đồng rồi đổ lên người. Trong khi giao chiến thì có kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên mang áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác? cung tên, hoặc cầm đao vào thôn xóm, vào áp, vào quôc gia, vào thành thị, đục vách, phá kho, cướp đoạt tiền của, chặn đường đi lại, hoặc đến các ngõ hẻm nơi khác phá xóm, phá làng, phá thành, diệt nước. Khi đó, hoặc bi người của vua bắt được, đem tra khảo đủ cách, hoặc chặt tay, chặt chân, hoặc chặt cả tay chân, cắt tai, cắt mũi, hoặc cắt cả tai mũi, hoặc lóc từng miếng thịt, bứt râu, bứt tóc? hoặc bứt cả râu tóc, hoặc nhốt vào cũi rồi quấn vải hỏa thiêu, hoặc vùi trong cát rồi đắp cỏ phía trên mà đốt, hoặc nhốt vào bụng lừa sắt hay miệng heo sắt, hoặc miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vào vạc đồng hay vạc sắt đun nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng chĩa bén dâm, hoặc lây móc săt mà móc, hoặc băt năm trên giường sát roi lấy dầu sôi giội lên, hoặc bắt ngồi trong cối sắt rồi lấy chày sắt giã, hoặc cho rắn rết mổ cắn, hoặc dùng roi quất, hoặc dùng gậy thọc, hoặc dùng đòn gánh đánh, hoặc đem thây bêu nơi nguyên quán, hoặc chém đâu roi bêu trên cây. Trong những trường hợp đó? kẻ ấy hoặc chết hoặc sợ hãi5 khổ sở vô cùng. Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lây dục làm gôc? cho nên thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác. Người ấy về sau bị bệnh nằm liệt giường, hoặc ngoi hoặc nam vật vã trên đất vì đau đớn bức bách thân, chiu khổ sở vô cùng, khổ đến nỗi không còn ưa thích gì nữa. Người mà thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác thì khi sắp chết bi nghiệp ác che lấp trước mắt, giống như mặt trời sắp lặn thì bóng ngọn núi lớn phủ lên mặt đất. Và như vậy, người ấy bị những nghiệp ác của thân, của miệng và của ý che lấp trước mắt, họ nghĩ rằng: “Các việc ác mà ta làm trước kia, bây giờ chúng che lấp trước mắt ta. Do trước kia ta không tạo phước quả mà lại tạo nhiều nghiệp ác. Giả sử có kẻ tánh tình hung bạo, chỉ làm ác, tạo tội chứ không làm phước, không làm thiện, khi sống không biết lo sợ, gần chết không có chỗ nương nhờ, không chỗ quay về, kẻ ấy sanh về cõi nào thì ta chắc chan sẽ sanh

về nơi d6!” Do đó, người ấy sanh hối hận mà chết không an lành, chết không được phước. Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lây dục làm góc. [0585c07] Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên thân làm việc ác9 miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác. Chúng sanh ấy vì thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác nên nhân nơi dây, duyên nơi đây, sau khi qua đời phải đến chỗ ác? đọa vào địa ngục. Đó là khoi khô uân ngay trong đời sau, do nhân nơi dục? duyên nơi dục, lây dục làm góc. Đó là tai họa của dục. Thế nào là sự xuất ly của dục? Nếu đoạn trừ dục, xả ly dục, diệt hết dục, vượt khỏi dục, đó là sự xuât ly của dục. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết đúng như thật vị ngọt của

dục, . r 2 :

tai họa của r dục, sự xuất ly của dục thì không bao giờ có thê tự đoạn dục cho JT :

mình, huông nữa là đoạn dục cho người khác. Nêu Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết đúng như thật vị ngọt của dục, tai họa của dục, sự xuất ly của dục thì có the tự đoạn dục cho mình và cũng có the đoạn dục cho người khác. Thế nào là vị ngọt của sắc? Giả sử có các thiếu nữ Sát-lợi, Bà-la-mon, Tỳ- xá hay Thủ-đà-la đến tuổi mười bốn, mười lăm, là lúc có sắc đẹp yêu kiều. Nếu nhân nơi sắc đẹp đó, duyên nơi sắc đẹp đó mà sanh lạc, sanh hỷ thì vị ngọt của sác chỉ tột cùng đên đó chứ không hơn nữa, nhưng tai họa của sác thì rát nhiêu. Thế nào là tai họa của sắc? Nếu về sau thấy các cô gái ấy già cả suy yếu, đầu bạc, răng rụng, lưng còng, gối rũ, đi phải chống gậy, tuổi trẻ suy tàn, mạng sống sắp hết, thân thể run rẩy, các căn hư tổn thì các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia hư hoại mà sanh ra tai họa chăng? Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.

Lại nữa, nêu thây các cô gái ây bị bệnh năm liệt giường hoặc vật vã trên đất, vì đau đớn bức bách thân, chịu khổ sở cùng cực thì các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia hư hoại mà sanh ra tai họa chăng? - Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. -Lại nữa, nếu thấy xác chết của các cô gái ấy từ một hai ngày cho đến sáu bảy ngày, đang bi quạ diều bươi mổ, chó sói cấu xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay chôn cất, thảy đều bị mục nát hư hoại thì các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã hư hoại mà sanh ra tai họa chăng? [0586a0l] Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. Lại nữa, nêu thây xác của các cô gái ây ở nơi nghĩa địa, hài cót xám xanh, mục nát quá nửa, xương vãi trên đất thì các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã hư hoại mà sanh ra tai họa chăng? -Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.

99. KINH KHỔ ẤM (1) 665

-Lại nữa, nếu thấy xác của các cô gái ấy ở nơi nghĩa địa5 đã tiêu hết da thịt, máu huyết, chỉ còn dính gân thì các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã hư hoại mà sanh ra tai họa chăng? - Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. -Lại nữa, nếu thấy xác của các cô gái ấy ở nơi nghĩa địa, xương rời từng đốt, tản mác khắp nơi: Xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương chậu, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi thì các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã hư hoại mà sanh ra tai họa chăng? -Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. -Lại nữa, nếu thấy xác của các cô gái ấy ở nơi nghĩa địa5 xương trắng như vỏ ôc? xanh như lông chim bô câu, đỏ như màu máu5 hư hại mục nát thì các thây nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã hư hoại và sanh ra tai họa chăng? - Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. -Đó là những tai họa của sắc. Thế nào là sự xuất ly của sắc? Nếu đoạn trừ r r Ị. r __ e r r săc, xả ly săc5 diệt hét săc, vượt khỏi sác. Đây gọi là sự xuất ly của sác. Nêu Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biêt đúng như thật vị ngọt của săc5 tai họa của sắc và sự xuất ly của sắc thì sẽ không bao giờ có thể tự đoạn trừ sắc cho mình huống nữa là đoạn trừ sắc cho người khác. Nếu Sa-môn hay Bà-la- môn nào biết đúng như thật vị ngọt của sắc, tai họa của sắc và sự xuất ly của sắc thì có thể tự đoạn trừ sắc cho mình và còn có the đoạn trừ sắc cho người khác. Thế nào là vị ngọt của thọ? Đó là Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, thành tựu và an trú,... (cho đên) Thiên thứ tư. Lúc

đó, vi ây không nghĩ đên việc tự hại cũng không nghĩ đến sự hại người. Nếu không nghĩ đến hại thì đó là vị ngọt của thọ lạc. Vì sao như vậy? Vì không nghĩ đến sự làm hại thì thành tựu được sự thọ lạc. Đây là vi ngọt của thọ. Thế nào là tai họa của thọ? Thọ là pháp vô thường, khổ và hoại diệt. Đó là tai họa của thọ. Thế nào là sự xuất ly của thọ? Nếu đoạn trừ thọ, xả ly thọ, diệt hết thọ, vượt qua thọ. Đây gọi là sự xuât ly của thọ. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết đúng như thật vi ngọt của thọ5 tai họa của thọ và sự xuất ly của thọ thì sẽ không bao giờ có thể tự đoạn trừ cảm thọ cho mình huống nữa là đoạn trừ cảm thọ cho người khác. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết đúng như thật vị ngọt của thọ, tai họa của thọ và sự xuất ly của thọ thì có thể tự đoạn trừ cảm thọ cho mình và còn có thể đoạn trừ cảm thọ cho người khác. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

100. KINH KHỔ ẤM12(2) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng họ Thích, ngụ tại vườn Ni-câu- loại, thành Ca-duy-la-vệ. Bấy giờ, sau buổi trưa, Thh Ma-ha-nam thong thả đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Ton! Con biết pháp của Thế Tôn như vậy, khiến cho tâm con diệt được ba thứ cấu uế, đó là tâm cấu uế do tham lam,2 tâm cấu uế do giận dữ và tâm cấu uế do si mê. Bạch Thế Tôn! Con biết pháp này như vậy nhưng trong tâm con vẫn còn sanh các pháp tham lam, pháp giận dữ và pháp si mê. Bạch Thế Tôn! Con suy nghĩ rằng: "Ta còn điều gì chưa được diệt trừ, để khiến cho tâm ta lại sanh pháp tham lam, pháp giận dữ và pháp si m?" Thế Tôn dạy: -Này Ma-ha-nam! Ông còn một điều chưa được diệt trừ, đó là ông sống tại gia, chưa có niềm tin tha thiết để rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Này Ma-ha-nam, nêu ông diệt được điêu này, ông sẽ không sông tại gia mà với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Bởi vì ông còn một điều chưa được diệt trừ, đó là song tại gia, chưa có niềm tin tha thiết để rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Khi ấy, Thích Ma-ha-nam liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, chăp tay hướng vê đức Phật và thưa: -Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy thuyết pháp cho con nghe, khiến tâm con được thanh tinh, trừ nghi và chứng đạo. Đức Phật dạy: Này Ma-ha-nam! Có năm loại tham muốn đáng yêu, đáng nhớ, đáng vui thích, liên quan đến dục khiến chúng sanh vui mừng. Là năm loại nào? Đó là sắc được biết bởi mắt, âm thanh được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi? vi được biêt bởi lưỡi, xúc được biêt bởi thân. Do đây mà vua và quyên thuộc của

1 Nguyên tác: Khổ ấmkinh, hạ (r.01. 0026.100. 0586b04). Tham chiếu: Thích Ma-ha-nam bổn tứ tử kinh (roi. 0054. 0848Ồ03); Khô ấm nhân sự kỉnh ,(01. 0055. 0849b23); Tăng.(T.02. 0125.41.1. 0744a02); M. 14, CũỊadukkhakkhandha Suita (Tiểu kinh khổ uẩn). 2 Nguyên tác: Nhiễm ()cách gọi khác chí cho, tham lam. Theo Du-già sư địa (r.30. 1579.84. 0770c0): “Nhi&m" nghĩa là tham đắm vào việc thọ dụng ().

vua được an lạc hoan hỷ. Này Ma-ha-nam! Vị ngọt của dục thì chỉ cung cực đến đó chứ không hơn, nhưng tai họa của dục lại rất nhiều. Này Ma-ha-nam! Thế nào là tai họa của

dục? Ví như có người thiện nam tùy theo nghề nghiệp của mình mà tự mưu sinh, hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc đọc sách, hoặc giỏi toán thuật, hoặc thông số thuật, hoặc khéo in khắc, hoặc làm văn chương, hoặc tạo bút tích, hoặc hiểu kinh thư, hoặc làm võ tướng, hoặc hầu hạ vua; dù thời tiết lạnh phải cam chịu lạnh, gặp trời nang nóng vẫn phải chịu nóng, đói khát mệt nhọc, muỗi mòng châm chích, thế nhưng người ấy vẫn phải làm việc để mong kiếm được tiền của. Bằng những phương tiện như vậy9 người thiện nam đó làm các công việc như vậy, để mong cầu như vậy, nhưng nếu không kiếm được tiền của thì khổ sở, lo buồn, rầu rĩ, tâm thành si dại và than răng: "Luông công làm lụng, khô nhọc vô ích mà những điêu mong câu không có kết qu!" Trái lại, nếu bằng những phương tiện như vậy, người thiện nam đó làm các công việc như vậy, để mong cau như vậy mà kiếm được tiền của thì sanh tâm mến tiếc, gìn giữ, cất giấu, vì sao như vậy? Vì họ nghĩ: "Tài vật này là của ta, đừng để cho vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại? mất mát, hoặc xuất tiền của mà không sinh lợi, hoặc làm việc mà không thành tựu." Người đó giữ gìn, cất giấu như vậy, nhưng nếu không may bị vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát thì khổ sở5 lo buồn, rầu rĩ5 tâm thành si dại và than vãn: "Vật ta yêu quý nhớ nghĩ suốt đêm ngày, nay đã không cbn!" Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này đều do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lay dục làm gốc. [0586cll] Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lây dục làm góc nên mẹ tranh giành với con, con tranh giành với mẹ; cha con, anh em, chi em, bà con, dòng họ giành giật lẫn nhau. Vì giành giật lân nhau như vậy nên mẹ bêu xâu con, con bêu xâu mẹ; cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ bêu xấu lẫn nhau. Thân thích còn vậy huống nữa là người ngoài. Đó là khoi kho uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên vua tranh giành với vua, Bà-la-môn tranh giành với Bà-la- môn? cư sĩ tranh giành với cư sĩ, dân tranh giành với dân, nước này tranh giành với nước khác. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau rồi dùng đủ loại binh khí để giết hại lẫn nhau, hoặc dùng tay đánh, hoặc dùng đá ném, hoặc dùng gậy đánh, hoặc dùng dao chém. Trong khi giao đấu có kẻ bị chết, người thì sợ hãi, kho sở vô cùng. Này Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục5 duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác, cung tên? đao thuẫn rồi xông pha trận mạc; hoặc dùng các phương tiện như voi, ngựa, xe? bộ binh để đánh nhau, hoặc cho nam nữ đánh nhau. Trong khi giao chiến thì có

kẻ bị chết, người thì sợ hãi, khổ sở vô cùng. Này Ma-ha-nam5 đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm góc, cho nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác, cung tên hoặc dao, thuẫn, để đi tranh đoạt nước người, đánh thành, phá lũy, chống cự lẫn nhau, thúc trống, thổi kèn, lớn tiếng chửi bới; hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc sử dụng bánh xe sắc bén, hoặc dùng tên bắn, hoặc lăn đá đè, hoặc dùng nỏ lớn, hoặc nấu chảy đồng rồi đổ lên người. Trong khi giao chiến thì có kẻ bị chết, người thì sợ hãi, khổ sở vô cùng. Này

Ma-ha-nam? đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

_ Lạir nữa, này Ma-ha-nam,• vì chúng sanh nhân nơi Xdục, duyên nơi [0587a05] r dục, lây dục làm góc, cho nên mang áo giáp, khoác trường bào, câm giáo mác, cung tên, hoặc cầm đao thuẫn, để vào xóm, vào ấp, vào quốc gia, vào thành thị mà đục vách, phá kho, cướp đoạt tiền của, chặn đường đi lại, hoặc đến các ngõ hẻm nơi khác phá xóm, phá làng, phá thành, diệt nước. Khi đó, hoặc bị người của vua bắt được, đem tra khảo đủ cách: Hoặc chặt tay, chặt chân hoặc chặt cả tay chân, cắt tai, cắt mũi hoặc bị cắt cả tai mũi, hoặc lóc từng miếng thịt, bứt râu, bứt tóc hoặc bứt cả râu tóc, hoặc nhót vào cũi roi quân vải hỏa thiêu, hoặc vùi trong cát rồi đắp cỏ phía trên mà đốt, hoặc nhốt vào bụng lừa sắt hay miệng heo sắt hoặc miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vào vạc đồng hay vạc sắt đun nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng chĩa bén đâm, hoặc lấy móc sắt mà móc, hoặc bắt nằm trên giường sắt rồi lấy dầu sôi giội lên, hoặc bắt ngồi trong cối sát roi lây chày sát giã, hoặc cho răn rét mô căn, hoặc dùng roi quát, hoặc dùng gậy thọc, hoặc dùng đòn gánh đánh, hoặc đem thây bêu nơi nguyên quán, hoặc chém đầu rồi treo bêu trên cây. Trong những trường hợp đó? kẻ ấy hoặc chết hoặc sợ hãi5 khổ sở vô cùng. Này Ma-ha-nam! Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lây dục làm góc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điêu ác. Người ây vê sau bị bệnh nằm liệt giường hoặc nằm vật vã trên đất vì đau đớn bức bách thân, chịu khổ sở vô cùng, khổ đến nỗi không còn ưa thích gì nữa. Người để thân làm việc ác5 miệng nói lời ác và ý nghĩ điêu ác thì khi sáp qua đời, bị nghiệp ác che lâp trước mắt, giống như mặt trời sắp lặn thì bóng ngọn núi lớn phủ lên mặt đất. Và như vậy, người ấy bi những nghiệp ác của thân, của miệng và của ý che lấp trước mắt, họ nghĩ rằng: "Các việc ác mà ta làm trước kia, bây giờ chúng che lấp trước mắt ta. Do trước kia ta không tạo phước quả mà lại tạo nhiều nghiệp ác. Giả sử có kẻ tánh tình hung bạo, chỉ làm ác, làm tội chứ không làm phước, không làm thiện, khi sống không biết lo sợ5 gần chết không chỗ nương nhờ, không chỗ quay về; kẻ ấy sanh về cõi nào thì chắc chắn ta sẽ sanh về nơi d6!" Do đó? người ấy sanh hối hận mà chết không an lành, chết không được phước.

Này Ma-ha-nam, đỏ là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. [0587b02] Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục? duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác. Chúng sanh ấy vì thân, miệng và ý tạo nghiệp ác nên nhân nơi đây, duyên nơi đây, sau khi qua đời phải đến chỗ ác, đọa vào địa ngục. Này Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn ngay đời sau, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Này Ma-ha-nam! Vì vậy nên biết, dục tuyệt đối không có lạc, chỉ có khổ họa không thể kể xiết. Bậc Thánh đệ tử đa văn mà không biết đúng như thật thì vi ấy sẽ bị dục che lấp, chẳng được an lạc thảnh thơi và tịch tĩnh tối thượng. Này Ma-ha-nam, vi Thánh đệ tử đa văn này sẽ nhân nơi dục mà bị thoái chuyển. Này Ma-ha-nam! Ta biêt là dục không có lạc mà chỉ có khô

họa không thê kể xiết. Này Ma-ha-nam, Ta biết đúng như thật nên không bị dục che lấp, cũng không bi pháp ác ràng buộc. Vì vậy, Ta được an lạc thảnh thơi và tịch tĩnh tối thượng. Này Ma-ha-nam, vì vậy Ta không nhân nơi dục mà bị thoái chuyển. Này Ma-ha-nam! Một hôm Ta du hóa nơi thành Vương Xá, trú trong hang That Diệp cua tiên nhan trên núi Tỳ-đa-la/ Bay giờ, vao lúc xe chiêu, Ta rời nơi tĩnh tọa, đi đến Quảng sơn34 và thấy ở đó có nhiều vi Ni-kiền đang tu hạnh không ngồi, thường đứng chứ không ngồi, chịu khổ cùng cực. Ta bước đến hỏi: "Này các Ni-kiền! Vì sao các ông tu hạnh không ngồi này, thường đứng chứ không ngồi, phải chịu khổ sở như vay?" Họ trả lời như vầy: "Thưa Cù-đàm! Chúng tôi có Ton sư Ni-kiền tên là Thân Tử, ngài dạy chúng tôi rằng: 'Này các Ni-kiền! Nếu kiếp trước các ông đã tạo nghiệp bất thiện thì nay nhờ khổ hạnh này mà các tội lỗi kia sẽ được tiêu trừ. Nấu nay giữ gìn diệu hạnh của thân, giữ gìn diệu hạnh của miệng và diệu hạnh của ý thì nhờ nhân đó, duyên đó mà không trở lại làm ác, không tạo nghiệp bất thiên.'" Này Ma-ha-nam, Ta hỏi lại: "Này các Ni-kiền! Các ông tin tưởng Tôn sư, không hề nghi ngờ gì chng?" Họ trả lời ta: "Đúng vậy, thưa Cù-đàm! Chúng tôi tin tưởng Tôn sư của mình, không hề nghi ngờ gì cả." Này Ma-ha-nam, Ta lại hỏi: "Này các Ni-kiền! Nếu quả như vậy thì Tôn sư Ni-kiền của các ông trước kia đã tạo các nghiệp ác bất thiện rất nặng. Vị ấy trước kia vốn là Ni-kiền đã

3 Tỳ-đa-la sơn Tiên nhân Thất Diệp ốc B. Tỳ-đa-la sơn,Ngọn núi Vebhāra,z một trong 5 ngọn núi quanh thành Vương Xá Rājagaha. Thắt Diệp ốc là hang Thất Diệp Sattapamiguhā. J 4 Quảng sơn ,Vepulla là một trong 5 ngọn núi ngoài thành Vương Xá.

qua đời và nay sanh vào nhân gian xuất gia làm Ni-kiền tu hạnh không ngồi, thường đứng chứ không ngồi, chịu khổ sở như vậy, cũng như các ông và hàng đệ tử của minh." Họ lại nói với Ta: "Thua Cù-đàm! Hạnh phúc không nương vào hạnh phúc mà có, do khổ đau mới có hạnh phúc. Như hạnh phúc của Vua Tần-tỳ-sa-la thì Sa-môn Cù-đàm không thể bằng dug" [0587c01] Ta lại nói: "Các ông cuồng si nên nói những lời vô nghĩa. Vì sao như vậy? Vì các ông không khéo léo, không hiểu rõ và cũng không biết thời nên các ông mới nói: 'Như hạnh phúc của Vua Tần-tỳ-sa-la thì Sa-môn Cù-đàm không thể bằng được!5 Này các Ni-kiền, đáng lẽ các ông phải hỏi như thế này: 6Giữa Vua Tầntỳ-sa-la và Sa-môn Cù-đàm, ai hạnh phúc hơn?' Này các Ni-kiền, nếu như Ta nói rằng hạnh phúc của Ta hơn, Vua Tần-tỳ-sa-la không bằng thì này các Nikiền, các ông có thể nói: 'Hạnh phúc của Vua Tần-tỳ-sa-la, Sa-môn Cù-đàm không b$ng Các Ni-kiền đó liền nói: "Thua Cù-đàm! Nay chúng tôi muốn hỏi, giữa Vua Tần-tỳ-sa-la và Sa-môn Cù-đàm thì ai hạnh phúc hơn?" Ta lại nói: "Này các Ni-kiền, Ta nay hỏi các ông, hãy trả lời theo sự hiểu biết của mình. Ý các ông thế nào? Vua Tần-tỳ-sa-la có đạt được sự tịch mặc vô ngôn như ý/ nhân đó mà được hoan hỷ5 được hân hoan trong bảy ngày bảy đêm khong?" Các Ni-kiền đáp: "Không được, thưa Cíi-dàm!" "Vậy có được hoan hỷ, được hân hoan trong vòng sáu ngày sáu đêm, cho đến hoặc năm, bốn, ba, hai hoặc một ngày một đêm không?59 Các Ni-kiền đáp: "Không được, thưa Cù-đàm!,, Ta lại hỏi: "Này các Ni-kiền! Ta có đạt được sự tịch mặc vô ngôn như ý, nhân đó mà được hoan hỷ, được

hân hoan trong một ngày một đêm kh6ng?" Các Ni-kiền đáp: "Dạt được, thưa Cù-đàm!,^

5 Tham chiếu: M. 14 ghi là Aniñjamāno kāyena abhāsamāno vacant satta rattidivāni (thân bất động, không nói lời nào suốt 7 ngày đêm). Thích Ma-nam bôn tứ tử kỉnh (r.01. 0054. 0849a29): Bất ngữ ngôn, như thi vi lạc da?().

"Vậy có được hoan hỷ, được hân hoan trong vòng hai, ba, bốn, năm, sáu cho đến bảy ngày bảy đêm kh6ng?" Các Ni-kiền đáp: "Bạt được, thưa Où-dàm!" Ta lại hỏi tiếp: "Này các Ni-kiền! Ý các ông thế nào? Như vậy, ai hạnh phúc hơn, Vua Tần- tỳ-sa-la hay là Ta?" Các Ni-kiền đáp: "Thua Cù-đàm! Qua sự trình bày của Sa-môn Cù-đàm chúng tôi đã hiểu rõ9 Sa-môn Cù-đàm hạnh phúc hơn, Vua Tân-tỳ-sa-la không thê sánh bang?9 Này Ma-ha-nam! Vì vậy nên biêt, dục không có lạc, chỉ có khô đau và tai họa không kể xiết. Vi Thánh đệ tử đa văn nên thấy như vậy. Nếu Thánh đệ tử đa văn không thấy đúng như vậy thì sẽ bị dục ngăn che, bị các pháp ác và bất thiện trói buộc, không đạt được an lạc thảnh thơi và tịch tĩnh toi thượng. Như vậy, này Ma-ha-nam, họ sẽ bi dục làm cho thoái chuyển. Này Ma-ha-nam! Ta biết dục không có lạc, chỉ có khổ đau và tai họa vô lượng. Ta biết đúng như thật nên không bị dục ngăn che, cũng không bi các pháp ác và bất thiện ràng buộc. Vì vậy, Ta được an lạc thảnh thơi và tịch tĩnh tối thượng. Này Ma-ha-nam, vì vậy Ta không bị dục làm thoái chuyển. Đức Phật dạy như vậy, Thích Ma-ha-nam và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

101. KINH TÂM TANG THƯỢNG1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: Nếu Tỳ-kheo muốn tâm tăng thượng2 thì cần phải thường xuyên suy niệm năm tướng. Sau khi thường xuyên suy niệm năm tướng thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an tru, nội tâm tĩnh lặng, nhát tâm và được định tĩnh. Năm tướng đó là những gì? Tỳ-kheo suy niệm về một tướng tương img với thiện. Nếu tâm niệm bất thiện phát sanh thì vi Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này lại suy niệm vê một tướng khác tương ưng với thiện, khiên tâm niệm xâu ác, bất thiện không sanh khởi. Khi Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này lại suy niệm về một tướng khác tương ưng với thiện thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác đã diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Giống như thầy trò thợ mộc kéo thẳng dây mực, búng lên thân cây, rồi dùng rìu bén mà đẽo cho thẳng. Tỳ-kheo cũng vậy, nhân nơi tướng này mà suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện, khiến niệm xấu ác, bất thiện không sanh khởi. Khi Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này, lại suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện thì niệm xấu ác, bất thiện đã sanh liền bi trừ diệt. Niệm xấu ác đã diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Nêu Tỳ-kheo muôn tâm an trú trong thiên định thì phải luôn suy niệm tướng thứ nhát này. Do suy niệm tướng này, niệm bát thiện đã sanh liên được trừ diệt. Niệm xâu ác diệt roi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện, nếu sanh khởi niệm bát thiện thì vị đó quán răng: "Niệm xâu ác này là tai họa, niệm này là bất thiện, niệm này là xấu ác, niệm này bi người trí ghét, nếu niệm

này đầy dây thì không được trí thông, không thê đác dạo, không được Niêt-bàn, vì nó khiến sanh ra các niệm xấu ác, bất thiện!Vi Tỳ-kheo đó quán sát về các niệm xấu ác như vậy thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Khi niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Ví

1 Nguyên tác: Tăng thượng tâm kinh (roi. 0026.101. 0588a03). Tham chiếu: M. 20, Vitakkasanthāna Sutta (Kinh an trủ tam). 2 Tăng thượng tâm (adhỉcittă)'. Tâm cao thượng, tâm an trú trong thiền định.

như có vị thiếu niên tuấn tú, đáng yêu, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục đẹp, dùng hương xoa khắp thân, cạo sửa râu tóc, khiến thân thể rất sạch sẽ. Nếu lấy xác rắn, xác chó, hoặc thây người đã bầm xanh, sình chướng, thối rữa, rỉ nước dơ rồi đeo vào cổ người ấy thì người ấy liền gớm ghiếc nên không vui, không thích. Tỳ-kheo cũng vậy, vị nào quán sát: "Niệm xấu ác này có tai họa, niệm này không thiện, niệm này là xâu, niệm này bị người trí ghét, nêu niệm này dây đầy thì sẽ không được trí thông, không the đắc đạo, không được Niết-bàn, vì nó khiến sanh khởi các niệm xấu ác, bất thiên." Vị Tỳ-kheo đã quán niệm xấu ác như vậy thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được đinh tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn tâm được an tru trong thiền đinh thì phải luôn niệm tướng thứ hai này. Khi niệm về tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú5 nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. [0588bll] Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà niệm bất thiện vẫn sanh khởi; khi quán niệm xấu ác là tai họa mà niệm bất thiện lại sanh khởi nữa thì Tỳ-kheo đó không nên suy niệm về niệm này, vì nó khiến sanh khởi niệm xấu ác, bất thiện. Vị Tỳ-kheo đó không suy niệm về niệm này nữa thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được đinh tĩnh. Ví như người có mắt, cảnh sắc nằm nơi ánh sáng nhưng không muốn nhìn nên người r r y r x đó hoặc nhăm măt? hoặc lảng tránh đi. Y các thây thê nào? Cảnh sác tuy năm nơi ánh sáng nhưng người đó có thể cảm nhận được tướng trạng của sắc không? Đáp rằng: -Thưa không! Tỳ-kheo cũng vậy, không nên suy niệm vê niệm này, vì nó khiên sanh 7 .. M, k A e '. r khởi niệm xâu ác, bát thiện. Khi không suy niệm vê niệm này nữa thì niệm bát thiện đã sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú* nội tâm tĩnh lặng, nhất tam vá được định tĩnh. Nêu Tỳ-kheo muốn tâm được an trú trong thiền định thì cần phải suy niệm về tướng thứ ba này. Suy niệm về tướng này thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà niệm bất thiện vẫn sanh khởi; khi quán niệm xấu ác là tai họa mà niệm bất thiện cũng sanh khởi và trong khi không suy niệm về niệm đó nữa mà niệm bất thiện vẫn sanh khởi thì Tỳ-kheo đó vì niệm này, phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần niệm ấy, khiến không sanh niệm xấu ác, bất thiện. Khi vì niệm này, Tỳ- kheo đó phải dùng hành tướng tư duy để giảm dần niệm ấy thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm xấu

ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Ví như có người đi đường, bước nhanh trên đường rồi người đó nghĩ: "Tại sao ta đi nhanh? Bây giờ? ta hãy đi

chậm lại được chng?" Người ấy liền đi chậm lại, nhưng rồi lại nghĩ: "Tại sao ta đi chậm? Sao ta chăng đứng lại?" Người ây liên đứng lại, nhưng roi lại nghĩ: "Tại sao ta lại đứng? Ta ngồi xuống được chng?" Người ấy liền ngồi xuống, nhưng rồi lại nghĩ: "Tại sao ta lại ngồi? Ta nằm xuống được chang?" Người ấy liền nằm xuống. Như vậy, người ấy đang thực hành cách dừng nghỉ dần dần hành tướng thô của thân. Nên biết, Tỳ-kheo khi đang suy niệm tướng này cũng giống như thế. Vì niệm này, vị Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng của tư duy mà giảm dàn suy niệm của mình để không sanh khởi niệm xấu ác, bất thiện. Khi vì niệm này, vị Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng của tư duy giảm dần suy niệm của mình thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền bi trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Nếu Tỳ"kheo muôn tâm được an tru trong thiên định thì phải luôn suy niệm tướng thứ tư này. Suy niệm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. [0588cl3] Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm vê một tướng tương ưng với thiện mà niệm bất thiện vẫn sanh khởi, khi quán niệm xấu ác là tai họa mà niệm bất thiện cũng sanh khỏi, khi không suy niệm về niệm đó mà niệm bất thiện vẫn sanh khởi, cho đến phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần sự suy niệm của mình mà niệm bất thiện vẫn sanh khởi thì vị ấy nên quán như vầy: "Tỳ- kheo vì nhân nơi suy niệm này mà sanh khởi niệm bất thiện thì phải liền ngậm khít răng lại, lưỡi ấn lên vòm họng, dùng tâm để tu tâm,3 nắm vững và hàng phục tâm, khiến không sanh khởi niệm xấu, bất thiên." Khi vị Tỳ-kheo ấy dùng tâm đê tu tâm, năm vững và hàng phục tâm thì niệm bát thiện đã sanh khởi liên được trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhát tâm và được định tĩnh. Như hai lực sĩ bát một người gây yêu, giữ chặt và bắt quy phục; Tỳ-kheo khi suy niệm tướng này cũng vậy, răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên vòm họng, dùng tâm để tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm đe không sanh khởi niệm xấu ác, bất thiện. Khi Tỳ-kheo dùng tâm để tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được đinh tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn tâm được an trú trong thiền đinh thì phải luôn suy niệm tướng thứ năm này. Suy niệm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền được trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Nấu Tỳ-kheo muốn tâm được an trú trong thiền định thì càn phải luôn suy niệm về năm tướng này. Luôn luôn suy niệm năm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an tru, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh.

3 Nguyên tác: Dĩ tâm tu tâm :Dùng tâm để chế ngự niệm bất thiện.

Nếu Tỳ-kheo suy niệm về một tướng tương ưng với thiện thì khi ấy không sanh khởi niệm xấu ác, khi quán niệm xấu ác là tai họa thì cũng không sanh khởi niệm xấu ác, khi không suy niệm ve niệm đó thì cũng không sanh khởi niệm xấu ác5 khi dùng hành tướng của tư duy để giảm dần sự suy niệm thì cũng không sanh khởi niệm xấu ác và khi dùng tâm để tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm thì cũng không sanh khởi niệm xấu ác. Khi đó, vị ấy liền được tự tại, muốn suy niệm thì suy niệm, không suy niệm thì không suy niệm. Nêu Tỳ-kheo muôn suy niệm thì suy niệm, không muôn suy niệm thì không suy niệm, đó gọi là Tỳ-kheo đã được tùy ý trong suy niệm, tự tại trong các con đường suy niệm. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

102. KINH NIÊM1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-ve, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thuở xưa, khi chưa giác ngộ quả vị Vô thượng Chánh chân, Như Lai nghĩ rang: "Ta hãy chia các niệm2 ra làm hai phần. Một phần là niệm dục, niệm sân, niệm hại và một phần là niệm vô dục, niệm vô sân, niệm vô hại?9 Sau đó, Ta liền chia các niệm ra làm hai phần, một phần là niệm dục, niệm sân, niệm hại và một phan là niệm vô dục, niệm vô sân, niệm vô hại. Thế rồi, Ta thực hành như vậy, sống một mình ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành. Nếu có niệm dục phát sanh thì Ta liền nhận biết là đang có niệm dục phát sanh, sẽ hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền não khổ đau, không chứng đắc Niết-bàn. Khi đã phân biệt rõ3 niệm dục hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền não khổ đau, không chứng đắc Niết-bàn thì niệm dục biến mất nhanh chóng.4*Nếu có niệm sân, niệm hại phát sanh thì Ta liền nhận biết đang có niệm sân, niệm hại phát sanh và chúng sẽ đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền não khổ đau, không chứng đắc Niết-bàn. Khi đã phân biệt rõ niệm sân, niệm hại sẽ hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền não kho đau, không • r* .. . , . .. L r chứng đăc Niêt-bàn thì niệm sân, niệm hại biên mát nhanh chóng. Khi niệm dục phát sanh thì Ta không chấp nhận mà đoạn trừ, nhổ bỏ. Khi niệm sân, niệm hại phát sanh thì Ta cũng không chấp nhận mà đoạn trừ, nhổ bỏ. Vì sao như vậy? Vì Ta thây răng, nhân nơi đó mà sanh ra vô lượng pháp xâu ác, bất thiện. Ví như vào tháng cuối mùa xuân, vì lúa đã gieo nên đất thả bò bị thu hẹp lại, do vậy những đứa trẻ chăn bò sẽ thả bò nơi đầm hoang, nếu thấy

1 Nguyên tác: Niệm kinh (01. 0026.102. 0589all). Tham chiếu: M. 19, Dvedhâvitakka Sutta (Kinh song tam). 2 Niệm ()còn gọi là "tầm"(),là "thiền chi", thuộc Sơ thiền, bản Hán thường dịch là "gi9c"(,vitakkā). Vìbh. 565 đã giải thích: Tattha katamo vitakko? Yo takko vitakko sañkappo appanã byappanã cetaso abhỉniropanâ sammāsañkappo, ayam vuccati 'vitakko' (Những gì được gọi là "tâm"? (i) Suy nghĩ; (ii) Tưởng nhớ; (iii) Sịt,suy xét; (iv) An chỉ (chú tâm); (v) Vô cùng an chỉ (tạp trung hướng tâm); (vi) Tam được an trí (tâm khắn khít vơi cảnh); (vil) Chánh tư duy. Những yếu to đo được gọi là "lầm"). 3 Nguyên tác: Giác ()Suy nghĩ thấu đáo ().Pali: Patisañcikkhati, đã phân biệt rõ ràng, đã suy nghĩ xong. 4 Tham chiếu: M. 19: "Chu Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: 'Dục tầm này đưa đến tự hại', dục tầm được biến mất" (HT. Thích Minh Châu dịch).

bò vào ruộng người khác thì chúng liền cầm roi đến ngăn lại. Vì sao như vậy? Vì những đứa trẻ chăn bò biết rang nhân việc bò giẫm đạp ruộng lúa thì chúng sẽ bị mắng, bị đánh, bị trói, bị bắt lỗi nên chúng phải cầm roi ngăn lại. Như Lai cũng vậy, khi niệm dục phát sanh thì Ta không chấp nhận mà đoạn trừ, nho bỏ. Khi niệm sân, niệm hại phát sanh thì Ta cũng không chấp nhận mà đoạn trừ, nhổ bỏ. Vì sao như vậy? Vì Ta thấy nhân nơi đó mà sanh ra vô lượng pháp xấu ác, bất thiện. [0589b05] Này Tỳ-kheo! Tùy theo sự quán sát,5 tùy theo sự suy tưởng56 của mình mà tâm liền ưa thích ở nơi đó.7 Nếu Tỳ-kheo suy tưởng quá nhiều về niệm dục thì sẽ đánh mất niệm vô dục, vì khi suy tưởng quá nhiều về niệm dục thì tâm liền ưa thích ở trong đó. Nếu Tỳ-kheo suy tưởng quá nhiều về niệm sân và niệm hại thì sẽ đánh mất các niệm vô sân và vô hại, vì khi suy tưởng quá nhiều ve niệm sân và niệm hại thì tâm liền ưa thích ở trong đó. Như vậy, nếu Tỳ-kheo không buông bỏ được niệm dục, không buông bỏ được niệm sân và niệm hại thì sẽ không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khóc than và cũng không thể thoát ly được tất cả khổ đau. Như Lai thực hành như vậy, sống một mình ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành. Nếu niệm vô dục phát sanh, Ta liền biết có niệm vô dục đang phát sanh và chúng không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền não khổ đau mà chứng đắc Niết-bàn. Khi đã nhận biết không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền não khổ đau mà chứng đắc Niết-bàn, Ta liền nhanh chóng tu tập một cách rộng rãi. Nêu niệm vô sân và niệm vô hại phát sanh, Ta cũng liên biêt có niệm vô sân và niệm vô hại đang phát sanh và chúng không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền não khổ đau mà chứng đắc Niết-bàn. Khi đã nhận biết không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền não khổ đau mà chứng đắc Niết-bàn, Ta liền nhanh chóng tu tập một cách rộng rãi. Khi niệm vô dục phát sanh thì Ta quán sát và suy tưởng8 quá nhiều; khi niệm vô sân và niệm vô hại phát sanh thì Ta lại quán sát và suy tưởng quá nhiều.

5 Nguyên tác: Tư (),cũng gọi là "q#n”(),hoặc là “tứ"(vicara). Vbh. 565 đã giải thích: Tattha katamo vicāro? Yo cāro vicāro anuvicāro upavỉcāro cittassa anusandhanatã anupekkhanatã - ayarn vuccati vicāro (Những gì được gọi là "tứ” (yicāra): (i) Sự giữ gìn cảnh; (ii) Tư sát; (iii) Theo sau tư sát; (iv) Thân cận tư sát; (v) Tâm tùy thuộc; (vi) Sự cân nhác trong suy nghĩ. Những yêu tô đó được gọi là ' 6 Nguyên tác: Niệm ().Bản Hán dịch là "giHc"(),hoặc là "tầm"().Xem chú thích trên. 7 Nguyên tác: Tùy sở tư, tùy sở niệm, tâm tiện lạc trung ().Tham chiếu: M. 19: Yaññadeva, bhikkhave, bhikkhu bahulamanuvitakketi anuvicāreti, tathā tathā ñāti hoti cetaso (Chư Ty-kheo, nêu vị Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về vấn đề gì thời tâm sinh khuynh hướng đối với vân đề ấy), HT. Thích Minh Châu dịch. J 8 Nguyên tác: Đa tư niệm ()Quán sát và suy tưởng quá nhiều, tức tập trung cả "giác và quán" (vitakkavicārā).

Ta lại suy nghĩ: "Nếu quán sát và suy tưởng quá nhiều thì thân mệt mỏi, hỷ sẽ mát9 và tâm sẽ bị tổn hại. Ta nên đối trị nội tâm, khiến tâm thường trụ, tĩnh lặng, chuyên nhất

và được định tĩnh, để tâm không bị tổn hai.^ Sau đó, Ta liền đoi trị nội tâm, khiến tâm thường trụ, tĩnh lặng, chuyên nhất và được định tĩnh nên tâm không bị tổn hại. Niệm vô dục đã phát sanh rồi, Ta lại sanh khởi niệm hướng về pháp và thứ lớp của giáo pháp.10 Khi niệm vô sân và niệm vô hại phát sanh rồi, Ta lại sanh khởi niệm hướng về pháp và thứ lớp của giáo pháp. Vì sao như vậy? Vì Ta không thấy nhân nơi đó mà sanh ra các pháp xấu ác, bất thiện. Ví như vào tháng cuối thu, khi thóc lúa đã được gặt hết, lúc đó những đứa trẻ chăn bò thả bò nơi đồng ruộng và nghĩ rằng: "Bò của mình đang ở trong bầy." Vì sao như vậy? Vì lũ trẻ không thấy rằng nhân việc thả bò mà chúng sẽ bị mắng, bị đánh, bị trói, bị bắt lỗi, nên chúng nó nghĩ: "Bò của mình đang ở trong by." Như Lai cũng vậy, khi niệm vô dục đã phát sanh rồi, Ta lại sanh khởi niệm hướng về pháp và thứ lớp của pháp. Khi niệm vô sân và niệm vô hại phát sanh rồi, lại sanh khởi niệm hướng về pháp và thứ lớp của pháp. Vì sao như vậy? Vì Ta không thấy nhân nơi đó mà sanh ra các pháp xấu ác, bất thiện. [0589c05] Này Tỳ-kheo! Tùy theo sự quán sát, tùy theo sự suy tưởng của mình mà tâm liền vui thích ở nơi đó. Nếu Tỳ-kheo suy tưởng nhiều về niệm vô dục thì sẽ xả bỏ niệm dục. Suy tưởng nhiều về niệm vô dục nên tâm ưa thích ở trong đó. Nếu Tỳ-kheo suy tưởng nhiều về niệm vô sân và niệm vô hại thì cũng sẽ xả bỏ niệm sân, niệm hại. Suy tưởng nhiêu vê niệm vô sân, niệm vô hại thì tâm ưa thích ở trong đó. Vị Tỳ-kheo đó9 khi giác và quán11 đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, an trú hỷ lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác không quán. Vị ấy lại lìa hỷ dục, an trú xả, vô cầu, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm thọ lạc, điều mà bậc Thánh gọi là xả, niệm? an tru lạc, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Vị ấy lại buông bỏ cả khổ và vui, diệt trừ ưu và hỷ đã có trước đó, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy, Tỳ-kheo được định tâm, thanh tịnh, không ô uê, không phiên não, nhu hòa, khéo an trụ, được tâm bất động, hướng đến quả vị lậu tận, tự thân chứng ngộ trí thông, liền nhận biết như thật đây là khổ, biết đây là nguyên nhân của khổ, biết đây là khổ diệt và biết như thật đay là con đường đưa đến khổ diệt. Vị Tỳ-kheo đã biết như vậy, đã thấy như vậy rồi thì tâm thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi? biết mình đã giải thoát và biết đúng như thật

9 Nguyên tác: Thân định hỷ vong .Các bản Tống, Nguyên, Minh đều ghi: Thân hỷ vong .Tham chiếu: M. 19: Api ca kho me aticirarn anuvitakkayato anuvicārayato kāyo kilameyya. Kāye kilante cittarn ūhaññeyya. ūhate citte ārā cittarn samādhimhāti. Và nêu Ta suy tư, quán sát quá lâu, thân Ta có the mệt mỏi; khi thân mệt mỏi thì tâm bị dao động, khi tâm bị dao động, tâm rất khó được định tĩnh, HT. Thích Minh Châu dịch. 10 Nguyên tác: Hướng pháp thứ pháp ,tức thực hành giáo pháp, theo từng bước tuần tự. " Nguyên tác: Giác quán dĩ tức ,tức là "tư"và "niêm",cũng là "tm"và "tứ" cũng chính là quán sát và suy tưởng, như đã nói trên.

rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Khi vị Tỳ-kheo này đã lìa niệm dục, lìa niệm sân và lìa niệm hại thì vị ấy được giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, buôn lo, than khóc và thoát ly tát cả khổ đau.

Ví như trong khu rừng có suối nước lớn, một bay nai nọ đen đó rong chơi. Có người đến đó, vì không muốn cho bầy nai kia được lợi ích, được phước lành, được an ổn và vui thích, cho nên liền rào con đường bang phang, mở một con đường nguy hiểm, lại còn đào hầm hố lớn, rồi cho người canh giữ. Làm như vậy thì chắc chắn bầy nai sẽ chết hết. Lại có một người khác đến, muốn cho bầy nai kia được lợi ích5 được phước lành, được an ổn và vui thích, liền mở con đường băng phăng, rào con đường hiêm, đuôi người canh giữ, thê là bây nai được cứu thoát an ổn. Này các Tỳ-kheo! Nên biết, Ta noi ví dụ này là muốn để các thầy biết rõ ý nghĩa, người trí tuệ nghe ví dụ này liền hiểu rõ ý nghĩa. Ví dụ đó với ý nghĩa, suối nước lớn là năm loại dục đáng yêu, đáng nhớ, đáng ưa thích. Những gì là năm? Là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi5 lưỡi nếm vị và thân xúc chạm. Suối nước lớn nên biết đó là năm loại dục. Bầy nai nên biết đó là Sa-môn9 Bà-la-môn. Người đi đến không muốn cho bầy nai kia được lợi ích, được phước lành, được an ổn và vui thích nên biết đó là Ma Ba-tuần. Rào con đường băng phăng, mở một đường nguy hiêm? đó là ba niệm xâu ác, bát thiện là niệm dục, niệm sân và niệm hại. Đường hiểm nên biết đó là ba niệm xấu ác, bất thiện. Lại có con đường hiêm, đó là tám con đường tà, từ tà kiên,... (cho đên) tà định. Đào hâm hô lớn nên biêt đó là vô minh. Người canh giữ nên biêt đó là quyên thuộc của Ma Ba-tuần. Còn người đi đến muốn cho bầy nai được lợi ích, được phước lành, được an ổn và vui thích nên biết đó chính là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Rào con đường hiểm, mở con đường bằng phẳng, đó là ba niệm thiện là niệm vô dục, niệm vô sân và niệm vô hại. Đường bang phẳng nên biết đó chính là ba niệm thiện. Lại còn có con đường bằng phẳng, đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến,...(cho đến) chánh định. Này các Tỳ-kheo9 Ta đã khai mở con đường bằng phẳng, rào chắn con đường hiêm nguy, san băng các hâm hô, dẹp bỏ những người canh chừng. Ví như vi Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ, đại bi, mong muốn đệ tử được ý nghĩa và lợi ích, được an ổn và hân hoan thì nay Như Lai cũng vậy. Như Lai đã tu tập rồi, các thầy cũng phải tự mình tu tập, hãy đến nơi thanh vắng, bên góc cây ở trong rừng núi, hoặc chỗ nào yên tĩnh mà tọa thiền tư duy, chớ buông lung, hãy tinh tấn chuyên cần, đừng để hối tiếc về sau. Đó là lời khuyên răn của Như Lai. Đó là lời dạy bảo của Như Lai. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.12

12 Bản Hán, hết quyển 25.

103. KINH TIẾNG RÓNG sư TỬ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu9 ngụ tại thi trấn Kiếm- ma-săt-đàm? thuộc nước Câu-lâu. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: —Trong giáo pháp của Như Lai mới có Sa-môn thứ nhất, Sa-mon thứ hai, Sa-mon thứ ba và Sa-mon thứ tư;2 ngoài đây ra không có Sa-mon hay Bà-la-môn. Các đạo khác đều trống rỗng, khon^ có Sa-mon hay Bà-la-môn. Tùy theo hội chúng mà các thay hãy chân chánh rong lên tiếng rống như sư tử vậy. Này Ty-kheo5 nếu có ngoại đạo đến hỏi các thầy: "Này chư Hiền! Các ông có phẩm hạnh gì, có năng lực gcó trí tuệ gì mà các ông dám nói 'chỉ nơi đây mới có Sa-mon thứ nhất, Sa-mon thứ hai, Sa-mon thứ ba và Sa-mon thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-mon hay Bà-la-môn. Các đạo khác đều trống rỗng, không có Sa-mon hay Bà-la-môn. Tùy theo hội chúng mà các thầy hãy chân chánh rống lên tiếng rống như sư tử vậy?5,5 Này Tỳ-kheo, các thây

nên trả lời ngoại đạo ây răng: "Này chư Hiên! Đức Thế Tôn của tôi là bậc thấy biết chan chánh, là đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã thuyết giảng bốn pháp. Nhân nơi bốn pháp này mà chúng tôi nói 'chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhát, Sa-môn thứ hai, Sa-môn thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn hay Bà-la-môn. Các đạo khác đều trống rỗng, không có Sa-môn hay Bà-la-môn. Tùy theo hội chúng mà chúng tôi chân chánh rống lên tiếng rống như sư tử vay."' Bốn pháp đó là những gì? Nay chư Hiền! Chúng tôi tin tưởng đấng Tôn sư, tin Pháp, tin Giới chứa đựng đầy đủ phẩm hạnh đạo đức và đồng đạo chúng tôi thương yêu, kính trọng, giúp đỡ lẫn nhau. Này chư Hiền! Đức Thế Tôn của chúng tôi, bậc thấy biết chân chánh, là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã thuyết giảng bốn pháp này. Nhân bốn pháp này mà chúng tôi nói 'chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, Sa-môn thứ hai, Sa-môn thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn hay Bà-la-môn. Các đạo khác đêu trông rỗng, không có Sa-môn hay Bà-la-môn. Tùy theo hội chúng mà chúng tôi chân chánh rống lên tiếng rống như sư tử vay."'

1 Quyển 26. Nguyên tác: Sư tử hổng kỉnh (roi. 0026.103. 0590b05). Tham chiếu: Tăng. (7.02. 0125.27.2. 0643c02); M. 11, Cūlasīhanāda Sutta (Tiêu kinh sư tử hông). 2 Tức 4 quả Sa-môn, từ Sơ quả Tu-đà-hoàn (Sotãpannaphală) đến Tứ quả A-la-hán (, Arahantphaỉà).

Này Tỳ-kheo! Nếu ngoại đạo lại nói: "Này chư Hiền! Chúng tôi cũng tin đấng Tôn su, tức Tôn sư của chúng tôi; tin Pháp, tức Pháp của chúng tôi; tin Giới chứa đựng đầy đủ phẩm hạnh đạo đức, tức Giới của chúng tôi; đồng đạo chúng tôi cũng thương yêu, kính trọng, giúp đỡ lẫn nhau, tức những pháp hữu xuất gia và cư sĩ của chúng tôi. Này chư Hiền! Giữa hai lời nói này, của Sa-môn Cù-đàm và của chúng tôi thì có hơn gì, có ý gì, có sai khác gì chng?" Này Tỳ-kheo, các thây nên hỏi ngoại đạo ây: "Này chư Hiên, cứu cánh là một hay cứu cánh là nhiều?" Này Tỳ-kheo, nếu ngoại đạo trả lời: "Này chư Hiền, cứu cánh chỉ có một, cứu cánh không có nhiau." Này Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp ngoại đạo ấy: "Này chư Hiền, người có dục sẽ đạt được cứu cánh hay người không có dục sẽ đạt được cứu cánh?,, Này Tỳ-kheo? nếu ngoại đạo ấy trả lời: "Này chư Hiền, người không có dục mới đạt được cứu cánh, còn người có dục thì không đạt được cứu cáĩlh.^, Này Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp ngoại đạo ấy: "Này chư Hiền, người có sân sẽ đạt được cứu cánh hay người không có sân sẽ đạt được cứu cánh?" Này Tỳ-kheo, nêu ngoại đạo ây trả lời: "Này chư Hiên, người không có sân mới đạt được cứu cánh, còn người có sân không đạt được cứu cánh." Này Tỳ-kheo9 các thây hãy hỏi tiêp ngoại đạo ây: "Này chư Hiên, người có si sẽ đạt được cứu cánh hay người không có si sẽ đạt được cứu cánh?" Này Tỳ-kheo, nếu ngoại đạo ấy trả lời: "Này chư Hiền, người không có si mới đạt được cứu cánh, còn người có si không đạt được cứu cánh." [059ƠCÍ5] Này Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp ngoại đạo ấy: "Này chư Hiền, người có ải, có thủ3 sẽ đạt được cứu cánh hay người không có ái, không có thủ sẽ đạt được cứu cánh?,, Này Tỳ-kheo, nêu ngoại đạo ây trả lời: "Này chư Hiên, người không có ái? không có thủ mới đạt được cứu cánh, còn người có ái, có thủ không đạt được cứu cánh/5 Này Tkheo, các

thầy hãy hỏi tiếp: "Này chư Hiền, người không có tuệ, không thuyết giảng tuệ sẽ đạt được cứu cánh hay người có tuệ, có thuyết giảng tuệ sẽ đạt được cứu cánh?" Này Tỳ-kheo, nếu ngoại đạo ấy trả lòi: "Này chư Hiền, người có tuệ, có thuyết giảng tuệ mới đạt được cứu cánh, còn người không tuệ, không thuyết giảng tuệ sẽ không đạt được cứu cánh.” Này Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp: "Này chư Hiền, người có ganh ghét, có tranh chấp sẽ đạt được cứu cánh hay người không ganh ghét, không tranh chấp sẽ đạt được cứu cnh?"

3 Nguyên tác: Thọ (),dùng như "thỉT (,upãdãnà).

Này Tỳ-kheo, nếu ngoại đạo ấy trả lời: "Này chư Hiền, người không ganh ghét, không tranh chấp mới đạt được cứu cánh, còn người có ganh ghét, có tranh chấp không đạt được cứu cánh.” Này các Tỳ-kheo, các thầy hãy nói với ngoại đạo ấy: “Này chư Hiền, như vậy là các vị đã nói có một cứu cánh chứ không phải có nhiều cứu cánh. Vì người không có dục mới đạt được cứu cánh, còn người có dục không đạt được cứu cánh; người không có sân mới đạt được cứu cánh, còn người có sân không đạt được cứu cánh; người không có si mới đạt được cứu cánh, còn người có si không đạt được cứu cánh; người không có ái, không có thủ mới đạt được cứu cánh, còn người có ái, có thủ không đạt được cứu cánh; người có tuệ, có thuyết giảng tuệ mới đạt được cứu cánh, còn người không có tuệ, không có thuyết giảng tuệ không đạt được cứu cánh; người không có ganh ghét, không có tranh chấp mới đạt được cứu cánh, còn người có ganh ghét, có tranh chấp không đạt được cứu cánh. NêuỊ. có Sa-môn hay Bà-la-môn . nào nương r vào vô sôr • học thuyêt r thì người đó nhát định sẽ nương vào hai loại học thuyêt này:4 Thuyêt cho răng thê giới là thường hằng và thuyết cho rằng thế giới là đoạn diệt. Nếu nương nơi thuyết thế giới là thường hăng, vị đó liên vướng mác vào thuyêt thường hăng, nương tựa vào thuyết thường hằng, cố chấp vào thuyết thường hằng, thành ra ganh ghét, tranh chấp với thuyết đoạn diệt. Nếu nương nơi thuyết thế giới đoạn diệt, vị đó liền vướng mắc vào thuyết đoạn diệt, nương tựa vào thuyết đoạn diệt, cố chấp vào thuyêt đoạn diệt, thành ra ganh ghét, tranh châp với thuyêt thường hăng. [0591all] Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết đúng như thật về nguyên nhân, sự tập khởi, sự đoạn diệt, sự châm dứt, vị ngọt, sự nguy hiêm và sự thoát ly thì vị đó nhất định có dục, có sân, có si, có ái, có thủ, không có tuệ, không thuyết giảng tuệ, có ganh ghét, có tranh chấp, vi đó không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, cũng không thể thoát khỏi sự buồn rầu, than khóc, lo buôn, ảo não, không thê vượt thoát khô đau. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với hai học thuyết này mà biết đúng như thật vê nguyên nhân, sự tập khởi, sự đoạn diệt, sự châm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự thoát ly thì vị đó nhất định không có dục, không có sân, không có si, không có ái, không có thủ, có tuệ, có thuyết giảng tuệ, không có ganh ghét, không có tranh chấp, vị đó thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, cũng thoát khỏi sự buồn rầu, than khóc, khổ não và vượt thoát khổ đau. Hoặc có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ, nhimg không chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ. Họ chỉ chủ trương

4 Nguyên tác: Nhị kiến, hữu kiến cập v6'kiến ,bhavaditthi ca vibhavaditīhi , cũng gọi là ^đoạn kiến"và "thương kiến".i Đoạn kiến cũng gQÌ là "v6 kiên":Vọng kiến cố chap cho rằng than tâm chúng sanh đoạn diệt chết rồi không tiếp tục sanh ra nữa; ii Thường kiến cũng gọi là "hữu kien59 :Vọng kiến cố chấp cho rằng thân tâm chúng sanh thường trụ, không gián đoạn.

, \ ĩ -19 À 9f9 đoạn trừ sự châp thủ vê dục mà không chủ trương đoạn trừ sự châp thủ vê giới, về nhận thức và về bản ngã.5 Vì sao như vậy? Vì Sa-môn hay Bà-la-môn đó không biết đúng như thật về ba trường hợp còn lại, cho nên tuy chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ, nhimg không chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ. Lại có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ, nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ. Họ chỉ chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ về dục và chấp thủ về giới mà không chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ về nhận thức và bản ngã. Vì sao như vậy? Vì vi Sa-môn hay Bà-la- môn đó không biết đúng như thật về hai trường hợp kia, cho nên tuy đoạn trừ sự chấp thủ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ. Lại có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương đoạn trừ châp thủ, nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ. Họ chỉ chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ về dục, chấp thủ về giới, chấp thủ về nhận thức mà không chủ trương đoạn trừ chấp thủ bản ngã. Vì sao như vậy? Vì vi Sa-môn hay Bà-la- môn đó không biết đúng như thật ve một trường hợp còn lại, cho nên tuy chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ. Đối với giáo pháp như thế, nếu có niềm tin với Tôn sư thì niềm tin đó không chân thật, không hết lòng; nếu có tin Pháp thì niềm tin đó cũng không chân thật, không hết lòng; nếu có tin Giới chứa đựng đầy đủ phẩm hạnh đạo đức thì niềm tin đó cũng không chân thật, không hét lòng; nêu có thương yêu, kính trọng, giúp đỡ những pháp hữu xuất gia và cư sĩ thì sự thương yêu đó cũng không chân thật, không hết lòng. [0591b06] Nếu có đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời thì Ngài cũng chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ. Ngay trong đời này5 Ngài chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ, chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ về dục? chấp thủ về giới cấm, chấp thủ về nhận thức và chấp thủ về bản ngã. Bốn trường hợp chấp thủ này nhân nơi đâu5 tập khởi do đâu, phát sanh từ dâu, lấy gì làm gốc? Bốn trường hợp chấp thủ này nhân nơi vô minh, tập khởi do vô minh, phát sanh từ vô minh và lấy vô minh làm gốc. Nếu có Tỳ-kheo nào mà vô minh đã bị diệt trừ, tuệ minh đã phát sanh thì vị đó không còn chấp thủ, không chấp thủ về dục, không còn chấp thủ về giới câm, không còn chấp thủ về nhận thức và bản ngã. Vị đó do không còn chấp thủ nên không có lo sợ, đã không lo sợ thì đoạn trừ hết các nhân duyên, chắc chắn

5 Tham chiếu: M. 11: Cattārimāni, bhikkhave, upādānāni. Katamāni cattāri? Kāmupādānqm, ditthupādānam, sīlabbatupādānam, attavādupādānam (Chư Tỷ-kheo, có 4 chấp thủ. Thế nào là bốn? Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ), HT. Thích Minh Châu dịch.

chứng đắc Niết-bàn và biết đúng như thật rằng: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa/ Trong giáo pháp chân chánh này, nêu có niêm tin với Tôn sư thì niêm tin này là chân thật, là hết lòng; nếu có tin Pháp thì niềm tin này là chân thật, là hết lòng; nếu có tin Giới chứa đựng đầy đủ phẩm hạnh đạo đức thì niềm tin này là chân thật, là hết lòng; nếu có thương yêu? kính trọng, giúp đỡ những pháp hữu xuất gia và cư sĩ thì sự thương yêu này là chân thật, là hết lòng. Này chư Hiền, chúng tôi có phẩm hạnh như vậy, có năng lực như vậy, có trí tuệ như vậy; nhân đây mà chúng tôi nói 'chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, Sa- môn thứ hai, Sa-môn thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn hay Bà-la-môn. Các đạo khác đều trống rỗng, không có Sa-môn5 Bà-la-môn. Do đó? tùy theo hội chúng mà chúng tôi chân chánh rông lên tiêng rông như sư tử vay.'" Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

104. KINH ƯU-ĐÀM-BÃ-LA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại thành Vương Xá, ngụ ở Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, có cư sĩ tên là Thật Ý2 ra khỏi thành Vương Xá? muốn đến chỗ đức Phật để cúng dường và lễ bái, nhưng sau đó ông nghĩ: "Ta hãy khoan đến đỏ, có thể giờ này đức Thế Tôn vẫn còn đang ngồi thiền cùng với các Tỳ-kheo. Ta hãy vào rừng Ưu-đàm-bà-la,3 đến khu vườn của ngoại dạo." Nghĩ rồi, cư sĩ Thật Ý liền đi vào rừng Ưu-đàm-bà-la? đến khu vườn của ngoại đạo. Lúc đó, trong rừng Ưu-đàm-bà-la, nơi khu vườn của ngoại đạo có một du sĩ tên là Vô Nhuế được tôn làm thầy của những người ngoại đạo, được mọi người kính trọng, quy phục, được năm trăm vị ngoại đạo tôn sùng. Giữa hội chúng ồn ào đang tụ tập quanh chỗ ngồi, Vô Nhuế cao giọng lớn tiếng bàn đủ mọi việc, như luận về chuyện ngôn ngữ, chuyện vua chúa, chuyện trộm cướp, chuyện đấu tranh, chuyện ăn uống, chuyện y phục, chuyện phụ nữ, chuyện đồng nữ? chuyện dâm nữ, chuyện thế tục, chuyện phi dạo, chuyện sông biển, chuyện quốc gia?... đại loại đủ mọi vấn đề như vậy. Khi ấy, du sĩ Vô Nhuế thấy cư sĩ Thật Ý từ xa đi đến, liền bảo hội chúng của mình hãy im lặng: Nay chư Hiên, các ong chơ noi nữa ma hãy vui ve im lặng, môi người hãy tự thu nhiếp. Vì sao như vậy? Vì có cư sĩ Thật Ý sắp đến đây. Trong số những đệ tử tại gia của Sa-môn Cù-đàm có danh đức cao dày, được mọi người kính trọng ở nơi thành Vương Xá này thì ông áy là bậc nhát. Ong áy không ưa sự huyên náo, thích yên lặng và tự thu nhiếp. Nếu biết hội chúng này im lặng, có the ông ấy sẽ đến thăm. Du sĩ Vô Nhuế bảo hội chúng im lặng roi, tự mình cũng im lặng. Bay giờ, cư sĩ Thật Ý đi đến nơi, chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên.

1 Nguyên tác: ưu-đàm-bà-ỉa kinh (roi. 0026.104. 0591b26). Tham chiếu: Tản-đà-na kinh (roi. 0001.8. 0047al7); Ni-cau-da Phạm chỉ kinh (T.01. 0011. 0222al9); Tạp. (02. 0099.975. 0252a22); D. 25, Udumbarika Sīhanāda Sutta (Kinh ưu-đàm-bà-la sư tử hông). ^hật Ý ()dịch nghĩa từ Sandhāna, là sự kết hợp, hòa giải, thân thiện. Ni-câu-đà Phạm chỉ kỉnh (roi. 0011. 0222al9) dịch tên vị cư sĩ này là Hòa Hợp (). 3 Ưu-đàm-bà-la (Udumbarikā) vốn là tên của vị hoàng hậu đã phát tâm xây dựng một ngôi tùng lâm (ārāmo) dành cho, các du sĩ cua các học phái khác

(paribbājakā) ở gần thành Vương Xá (Rājagaha), nên lay tên bà để định danh.

Cư SĨ Thật Ý hỏi: - Này Vô Nhuế! Đức Phật, đấng Thế Tôn của tôi thường sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, tru dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiêng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa, là tôi so sánh Phật, Thế Tôn với những vi ở đây. Ngài thường sống nơi thanh văng, ở trong rừng núi, trú dưới góc cây, sông ở non cao, không một tiêng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. ở những nơi xa vắng ấy, thường thích tĩnh tọa, an ổn và hân hoan, đức Phật, đấng Thế Tôn chưa hề có một ngày hay một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người như ông và quyến thuộc của ông hôm nay. Bấy giờ, du sĩ Vô Nhuế liền nói: -Cư sĩ! Hãy thôi đi9 thôi đi! Do đâu mà ông biết Sa-mon Cù-đàm có trí tuệ giải thoát trống rỗng?4 Với trí tuệ đó thì không đủ để cho rằng, điều gì tương ưng hay không tương ưng, điều gì tùy thuận hay không tùy thuận. Sa-môn Cù-đàm đi từ phương diện này đến phương diện kia, ưa thích từ phương diện này đến phương diện kia, an trú từ phương diện này đen phương diện kia. Cũng giống như con bò bị chột một mắt, chỉ ăn cỏ được một bên/ từ rẻo này đến rẻo kia, ưa thích từ rẻo này đên rẻo kia, sông từ rẻo này đên rẻo kia. Này cư sĩ, nêu như Sa-môn Cù-đàm đến hội chúng này thì chỉ bằng một lý lẽ tôi cũng đủ hủy diệt ong áy, de dang như lăn cai bình rong va toi cũng sẽ noi vê VI dụ con bo chột một mát cho ông ây nghe. [0592a05] Rồi du sĩ Vô Nhuế bảo đồ chúng của mình: -Này chư Hiền, giả sử Sa-môn Cù-đàm đến hội chúng này, nếu ông ấy có đên thật thì các ~ chớ cung ông A _ . ~ __ -4- Ạkính đứng dậy, chớ có chăp tay nghinh đón, cũng __ ỉ A 1 Ạ ỉ r À 4- Ạ _ ji i /x/ _ r •ạ chơ mơi ngoi ma hãy đe săn mọt cho choông áy. Khiông ây đên thìhãy nói: “Này Cù-đàm, có chỗ ngồi đây, Ngài muốn ngồi thì xin tùy y." Lúc này, đức Thế Tôn đang tĩnh tọa? bằng thiên nhãn thanh tịnh siêu việt hơn người, Ngài nghe rõ cuộc nói chuyện như vậy giữa cư sĩ Thật Y và du sĩ Vô

4 Nguyên tác: Không tuệ giải thoát ().Tham chiếu: Ni-câu-đà Phạm chí kinh (roi 0011. 0222b23-24): Sa-môn Cù-đàm sống nơi nhà trống thì có trí tuệ gì để mà giáo h6a?(„);Tạp.(7.02. 0099.974. 0252a26-28): Trí mệ cua Sa-mon Cù-đàm giống như ngôi nhà trông nên không thê đứng giữa đại chúng đưa ra quan điểm: "Diều này đúng, điều này yiôngđúng^điều này phù hợp điềunàykhôngphù hợp” (l! ỈẾ [];O. 25: Evameva suññāgārahatā samanassa Gotamassa paññā (Cũng vậy, trí tuệ của Sa-môn Gotama bị hư hoại vì sống với không xứ), HT. Thích Minh Châu dịch. ^Nguyen tác: Do như hạt ngưu tại biên địa thực ().Tham chiếu: Tản-đà-na kinh (7T01. 001.8. 0047b 14): Giông như con bò chột măt ăn cỏ, chỉ gặm một bên theo những gi nó thấy (,);Tạp.(?.?99p2?2a£8):Nhỉr con bò mù chỉ lẫi theo bờ ruộng, Ịdiông thê vào giữa đám ruộng ().D. 25: Seyyathāpi nāma gokānā pariyantacārinī antamantāneva (Giông như con bò mù (một mắt) chỉ đi quanh quẩn trong giới hạn liên hệ của nó). Cú ngữ này được Tỳ-kheo Sujāto dịch là: He s just like the nilgai antelope, circling around and lurking on the periphery (Ong ta như con linh

dương đầu bò chỉ đi quanh quẩn trong giới hạn ẩn nấp của nó). J

104. KINH Ưu-ĐÀM-BÀ-LA 689

Nhuế. Vào lúc xế chiều, Ngài rời nơi tĩnh tọa rồi đi vào rừng ưu-đàm-bà-la, đến khu vươn của ngoại đạo. Từ xa thấy đức Thế Tôn di đến, du sĩ Vô Nhuế liền từ cho ngoi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, chắp tay hướng về đức Phật khen ngợi: Kính chào Sa-môn Cù-đàm! Đã lâu rồi Ngài không đến đây, xin mời Ngài ngồi vào chỗ này. Khi ấy, đức Thế Tôn thầm nghĩ: "Kẻ ngu si này tự làm trái ngược lại với điều mà ông ta đã dự djnh." Biết vậy, đức Thế Tôn liền ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Du sĩ Vô Nhuế sau khi chào hỏi đức Thế Tôn rồi cũng ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi: Này Vô Nhuế, ông và cư sĩ Thật Ý vừa bàn luận việc gì? Vì lý do gì mà nhóm họp ở nơi này? Du sĩ Vô Nhuế trả lời: Thưa Cù-đàm? chúng tôi nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm có những pháp gì dạy bảo đệ tử, đe khiến cho các đệ tử sau khi vâng lãnh sự chỉ dạy liền được an ổn, trọn đời tịnh tu Phạm hạnh, còn giảng nói lại cho ïigirời?" Thưa Cù-dàm, tôi và cư sĩ Thật Ý vừa bàn luận việc như vậy. Vì lý do đó mà chúng tôi nhóm họp ở nơi này. Cư sĩ Thật Ý nghe ông ta nói vậy, liền nghĩ: "Lạ thay, du sĩ Vô Nhuế lại nói dối! Vì sao như vậy? Vì ở trước đức Thế Tôn mà lại lừa dối NgM." Đức Phật biết vậy, liền nói: Này Vô Nhuế, pháp của Ta rất sâu sắc, rất kỳ diệu, rất hy hữu, khó hiểu, khó biết, khó thấy ya khó chứng đắc. Ta đã dạy cho đệ tử và đệ tử sau khi vâng lãnh sự dạy bảo liền được an ổn, trọn đời tinh tu Phạm hạnh. lại còn đem dạy cho người khác. Này Vô Nhuê, sao ông không hỏi Ta vê pháp tu khô hạnh đáng ghe sợõ ma Ton sư cua ong đã lay lam tong chỉ, nêu ong hoi Ta thì Ta sẽ giải đáp khiến cho ông thỏa mãn? Bấy giờ, chúng ngoại đạo ồn ào đó cùng nói lớn: Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Ngài có đày đủ như ý túc, có oai đức lớn, có phước đức lớn và có oai thần lớn. Vì sao như vậy? Vì Ngài bỏ qua tông chỉ của mình để giải đáp thắc mắc cho người về tông chỉ của họ. Du sĩ Vô Nhuế liền bảo hội chúng của mình im lặng, rồi hỏi: -Thưa Cù-đàm, về pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ thì thế nào mới được gọi là đầy đủ? Thế nào không được gọi là đầy đủ? [0592b06] Đức Thế Tôn trả lời: Này Vô Nhuế! Như có Sa-môn hay Bà-la-môn lõa hình, không y phục, hoặc lấy tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy hạt châu làm y phục, không

6 Nguyên tác: Bất liễu tang ố hạnh ( ):Phương phaptuhanh dựa trên sự ghê tởm, chán ghét, khãc khổ cực độ. D. 25: Adhijeguccha (toi thắng khổ hạnh), HT. Thích Minh Châu dịch.

690 KINH TRƯNG A-HÀM

múc nước bằng bình hoặc bằng gáo, không ăn đồ ăn được gắp hay cắt bằng dao gậy, không ăn thức ăn do lừa dối, không tự tiện đến để được ăn, không đánh tiếng để được ăn, không ăn vì được mời,7 không ăn vì biệt đãi,8 không dừng lại để ăn,9 không ăn giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà người có thai,10 không ăn tại nhà có nuôi chó, không ăn tại nhà có ruồi xanh bay đến, không ăn cá, không ăn thịt, không uông rượu, không uông nước giâm, hoặc không uông gì cả? học hạnh không uống; hoặc ăn một miếng và nghĩ rằng một miếng là đủ, hoặc ăn hai, ba, bốn cho đến bảy miếng và

cho rằng bảy miếng là đủ5 hoặc ăn bởi một lần nhận được và nghĩ rằng một lần nhận được là đủ, hoặc ăn bởi hai, ba, bốn cho đến bảy lần nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ, hoặc ngày ăn một lan và cho rang ăn một lan là đủ, hoặc hai, ba, bon, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng, hay một tháng ăn một lần và cho rằng ăn một làn là đủ5 hoặc ăn rau dưa, hoặc ăn hạt cỏ, hoặc ăn ngũ cốc, hoặc ăn lúa mạch, hoặc ăn đầu-đầu-la,11 hoặc ăn thức ăn thô, hoặc đen cho rưng văng,12 nương nơi rừng văng, hoặc ăn re cây, hoặc ăn trai cay, hoặc ăn quả tự rụng, hoặc mặc áo khâu nhiều loại vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo đầu-xá?13 hoặc mặc áo đầu-xá bang lông, hoặc mặc áo da nguyên, hoặc mặc áo da rách, hoặc mặc áo da toàn thủng lỗ? hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xõa vừa bện9 hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc 9 7 * 9 n • 9

chỉ nhô tóc, hoặc chỉ nhô râu, hoặc nhô cả râu tóc, hoặc chỉ đứng thăng không ngồi, hoặc đi chồm hổm, hoặc nằm trên gai và lấy gai làm giường, hoặc nằm trên trái cây và lấy trái cây làm giường, hoặc thờ nước rồi ngày đêm lấy tay vọc nước, hoặc thờ lửa rồi ngày đêm đốt lửa, hoặc thờ mặt trời mặt trăng, hoặc thờ đấng Tự tại phước lớn cho nên luôn chắp tay hướng về những nơi đó. Này Vô Nhuế! Ý ông thế nào? So với việc phải chiu vô lượng khổ để tu tập khổ hạnh phiền lao14 thì pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy là đầy đủ hay không đầy đủ? [0592c03] Du sĩ Vô Nhuế trả lời: Thưa Cù-đàm! Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy là đầy đủ, không phải không đầy đủ. Đức Thế Tôn lại nói: -Này Vô Nhuế! Ta sẽ chỉ cho ông thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó đã bị vô lượng cấu uế làm cho ô nhiễm.

7 Nguyên tác: Bất lai tôn na ehibhadantikà: Không nhận lời mời đi ăn. 8 Nguyên tác: Bất thiện tôn na uddissakatarri-. Không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình. 9 Nguyên tác: Bất trụ tôn ,na titthabhadantikd: Không dừng lại khi có lời mời ăn. 10 Nguyên tác: Bất hoài nhâm gia thực na gabbhiniyā patiganhāti: Không [nhận thức ăn] tư người đàn bà mang thai. 11 Đầu-đầu-la ÌS, daddulà. PED cho rằng đó là một loại gạo. 12 Nguyên tác: Chí vô sự xứ . J 13 Nguyên tác: Đầu-xá y dussà'. Vải thô chưa nhuộm màu. 14 Nguyên tácQ Học phiền nhiệt hạnh ātāpanaparitāpanānuyogam anuyutto viharati'. Tu tập theo sự kho hạnh ép xác.

104. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA 691

Du SĨ VÔ Nhuế hỏi: Thưa Cù-đàm! Ngài hãy nói cho tôi biết, pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đây đủ đó đã bị vô lượng câu uê làm cho ô nhiễm như thế nào? Đức Thế Tôn đáp: -Này Vô Nhuế! Như có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ,15 rồi do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà có ước muốn bất chánh, nhớ nghĩ tham dục. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, rồi do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà có ước muốn bất chánh, nhớ nghĩ tham dục thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khô, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà chỉ ngước nhìn ánh mặt trời, hấp thụ khí trời. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà chỉ ngước nhìn ánh mặt

trời, hấp thụ khí trời thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà tư cống cao, cho rằng mình đã tu khổ hạnh gian khổ nên tâm liền dính mắc chấp trước. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà tự cống cao, cho rằng mình đã tu khổ hạnh gian khổ nên tâm liền dính mắc chấp trước thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian kho, do chuyên thực hành kho hạnh gian kho mà tự thị khinh người. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành kho hạnh gian kho, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà tự thị khinh người thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian kho roi đen nhà người mà tự khen rang: "T6i hành khổ hạnh gian khổ, hạnh của tôi rất khó làm." Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian kho, do chuyên thực hành kho hạnh gian kho rồi đến nhà người mà tự khen rằng: "Tôi hành kho hạnh gian kho, hạnh của tôi rất khó m” thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên khi thấy Sa-môn hay Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường, lễ bái liền sanh tâm ganh tị mà nói rằng: "Sao lại cúng dường, lễ bái Sa-môn và Bà-la-môn ấy? Hãy nên kính trọng, cúng dường và lễ bái tôi! Vì sao như vậy? Vì toi là người hành khổ hạnh." Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian kho, do chuyên thực hành

15 Nguyên tác: Thanh khổ hạnh khổ hành / tapam samādiyati'. Một vị khổ hạnh siêng tu khổ hạnh HT. Thích Minh Châu dịch. Các bản Tông, Nguyên, Minh đêu ghi: Tinh khô hạnh khổ hành .

khổ hạnh gian khổ nên khi thấy Sa-môn hay Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường, lễ bái liền sanh tâm ganh ti mà nói rằng: "Sao lại cúng dường, lê bái Sa-môn và Bà-la-môn ấy? Hãy nên kính trọng, cúng dường và lê bái tôi! Vì sao như vậy? Vì tôi là người hành khổ hạnh" thì này Vô Nhuế, hành khô hạnh như vậy là cấu uế. [O593aO8] Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khô, do chuyên thực hành khô hạnh gian khô cho nên nêu thây Sa- môn hay Bà-la-môn nào được người kính trọng, cúng dường và lễ bái liền đến mắng ngay mặt Sa-môn và Bà-la-môn đó rằng: "Sao ông lại được kính trọng, lễ bái và cúng dường? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm loại hạt là hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống, nhiễu loạn súc vật và con người; Sa-môn và Bà-la-môn thường đến nhà người cũng giống như vẫyy Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ cho nên nếu thấy Sa-môn hay Bà-la-môn nào được người kính trọng, cúng dường và lễ bái liền đến mắng ngay mặt Sa-môn và Bà-la-môn đó rằng: "Sao ông lại được kính trọng, lê bái và cúng dường? Ong là người nhiêu ham muôn, nhiêu mong câu, thường ăn năm loại hạt là hạt

sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ r 9

trái cây, hạt sanh từ măt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như trận mưa lớn làm tôn hại năm thứ hạt giống, nhiễu loạn súc vật và con người; Sa-môn và Bà-la-môn thường đến nhà người cũng giống như vRy" thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà có buồn lo, si mê, kinh hãi, sợ sệt, sống lén lút, hay nghi ngờ, sợ mất danh tiếng, tham lam và buông lung. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà có buồn lo, si mê, kinh hãi, sợ sệt, sống lén lút, hay nghi ngờ, sợ mất danh tiếng, tham lam và buông lung thì này Vô Nhuế, hành kho hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian kho, do chuyên tu kho hạnh gian khổ nên sanh khởi thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ, không biết tiết chế, những pháp mà Sa-môn hay Bà-la-môn phải thông suốt lại không thông suốt. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên tu khổ hạnh gian khổ nên sanh khởi thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ, không biết tiết chế, những pháp mà Sa-môn hay Bà-la-môn phải thông suốt lại không thông suốt thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. [0593Ồ04] Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khô, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên bị trói buộc bởi

sân hận, che giấu, bon xẻn, ganh ghét, dua nịnh, dối gạt, không tự thẹn, không xấu hổ. Này Vô Nhuế! Nấu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên bị trói buộc bởi sân hận, che giấu, bon xẻn, ganh ghét, dua ninh, dối gạt, không tự thẹn, không xấu hổ thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà nói dối, nói hai chiều, nói thô ác, nói thêu dệt, phạm nhiều giới trọng.16 Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành kho hạnh gian kho, do chuyên thực hành kho hạnh gian khổ mà nói [. ey y • dôi, nói hai chiêu, nói thô ác, nói thêu dệt, phạm nhiêu giới trọng thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuê! Hoặc có người chuyên thực hành khô hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà không có tín tâm, lười biếng, không chánh niệm, không chánh trí, có tuệ thấp kém. Này Vô Nhuế! Nấu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khô mà không có tín tâm, lười biêng, không chánh niệm, không chánh trí, có tuệ thấp kém thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Này Vô Nhuế! Ta đã chỉ cho ông thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó đã bị vô lượng cấu uế làm cho ô nhiễm, có phải vậy chăng? Du sĩ Vô Nhuế đáp: Thưa Cù-đàm! Đúng vậy, Ngài đã chỉ cho tôi thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó đã bị vô lượng cấu uế làm cho ô nhiễm. Này Vô Nhuế, Như Lai sẽ chỉ cho ông thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó không bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm. Du sĩ Vô Nhuế lại hỏi: -Thưa Cù-đàm, Ngài có thể chỉ cho tôi thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó không bị vô lượng cấu uế làm ô

nhiễm như thế nào không? Đức Thế Tôn bảo: -Này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, rồi do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không có tham muốn bất chánh, không nhớ nghĩ tham dục. Này Vô Nhuê! Nêu có người chuyên thực hành khô hạnh gian khổ, rồi do chuyên thực hành khổ hạnh gian kho nên không có tham muốn bất chánh, không nhớ nghĩ tham dục thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không nhìn ánh mặt trời, không hấp thụ khí trời. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khô

16 Nguyên tác: Cụ ác giới ,dussīlyani'. Phá giới.

hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không nhìn ánh mặt trời, không hấp thụ khí trời thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cau nue. [0593c01] Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà không cong cao cho rằng đã tu khổ hạnh nên tâm không chấp trước. Này Vô Nhuế! Nêu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian kho mà không cống cao cho rằng đã tu khổ hạnh nên tâm không chấp trước thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành kho hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà không tự thị khinh người. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà không tự thị khinh người thì này Vô Nhuế, hành khô hạnh như vậy là không câu uê. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không đến nhà người mà tự khen rằng: "Tôi hành khổ hạnh gian khổ, hạnh của tôi rất khó làm.,, Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không đến nhà người mà tự khen rằng: "Tôi hành khổ hạnh gian khổ, hạnh của tôi rất khó]àm" thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuê! Hoặc có người chuyên thực hành khô hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên nếu thấy Sa-môn hay Bà-la- môn được người kính trọng, cúng dường và lễ bái thì không sanh tâm ganh ti mà nói: "Sao lại kính trọng, cúng dường và lễ bái Sa-môn5 Bà-la-môn ấy? Hãy nên kính trọng, lễ bái và cúng dường tôi! Vì sao như vậy? Vì tôi là người hành khổ hạnh.” Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên nếu thấy Sa-môn hay Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường và lễ bái thì không sanh tâm ganh tị mà nói: "Sao lại kính trọng, cúng dường và lễ bái Sa-môn5 Bà-la-môn ấy? Hãy nên kính trọng, lễ bái và cúng dường tôi! Vì sao như vậy? Vì tôi là người hành khổ hạnh" thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian kho, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên nếu thấy Sa-môn hay Bà-la- môn được người kính trọng, cúng dường và lễ bái thì không đến mắng ngay mặt Sa-môn và Bà-la-môn đó: “Sao ông lại được kính trọng, cúng dường và lễ bái? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong

cầu, thường ăn năm thứ hạt là hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như trận mưa lớn làm tổn hại năm loại hạt giống, nhiễu loạn súc vật và con người; Sa-môn và Bà-la-môn mà hay đến nhà người thì cũng

giống như vay." Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian kho, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên nếu thấy Sa-môn9 Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường và lễ bái thì không đến mắng ngay mặt Sa- môn5 Bà-la-môn đó: "Sao ông lại được kính trọng, cúng dường và lễ bái? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt là hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như trận mưa lớn làm tổn hại năm loại hạt giống, nhiễu loạn súc vật và con người; Sa-môn và Bà-la-môn mà hay đến nhà người thì cũng giống như vāy,9 thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. [0594a09] Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không buồn lo, không si mê, không kinh hãi, không sợ sệt, không sống lén lút, không nghi ngờ? không sợ mất danh tiếng, không tham lam và không buông lung. Này Vô Nhuế! Nêu có người chuyên thực hành kho hạnh gian kho, do chuyên thực hành khổ hạnh gian kho nên không buồn lo, không si mê, không kinh hãi, không sợ sệt, không sống lén lút, không nghi ngờ, không sợ mất danh tiếng, không tham lam và không buông lung thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không sanh khởi thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ, biết tiết chế, những pháp mà Sa- môn và Bà-la-môn phải thông suốt cũng đều thông suốt. Này Vô Nhuế! Nếu CÓ người chuyên thực hành khô hạnh gian khô, do chuyên thực hành khô hạnh gian khổ nên không sanh khởi thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ, biết tiết chế, những pháp mà Sa-môn và Bà-la-môn phải thông suốt cũng đều thông suốt thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không bị trói buộc bởi sân hận, không che giấu, không bon xẻn, không ganh ghét, không dua nịnh, không dối gạt, biết tự thẹn, biết xấu hổ. Này Vô Nhuế! Nấu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không bị trói buộc bởi sân hận, không che giấu, không bon xẻn, không ganh ghét, không dua nịnh, không dối gạt, biết tự thẹn, biết xấu hổ thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không nói dối, không nói hai chiều, không nói thô ác, không nói thêu dệt, không phạm ác giới. Này Vô Nhu! Nếu có người chuyên thực hành khô hạnh gian khô, do chuyên thực hành khô hạnh gian khổ nên không nói dối, không nói hai chiều, không nói thô ác, không nói thêu dệt, không phạm ác giới thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không câu uê.

[0594b01] Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên có tín tâm, không lười biếng, chánh niệm, chánh trí, không có tuệ thấp kém. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khô hạnh gian khổ nên có tín tâm, không lười biếng, chánh niệm, chánh trí, không có tuệ thấp kém thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Này Vô Nhuế! Ta đã chỉ cho ông thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó không bị vô lượng cấu uế làm cho ô nhiễm, có phải vậy không? Du sĩ Vô Nhuế đáp: -Thưa Cù-đàm! Đúng vậy, Ngài đã chỉ cho tôi thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó không bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm. Du sĩ Vô Nhuế lại hỏi: -Thưa Cù-đàm! Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ này đã đạt đến bậc nhất, đã đạt đến chỗ chân thật chưa? Đức Thế Tôn trả lời: Này Vô Nhuế! Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ này chưa đạt được bậc nhất, chưa đạt đến chỗ chân thật, tuy nhiên cũng thành tựu được hai phần, là da và các đốt xương. Du sĩ Vô Nhuế lại hỏi: -Thưa Cù-đàm! Thế nào gọi là pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ này đạt đến ngoài da? Đức Thế Tôn đáp: Này Vô Nhuế! ở đây như có Sa-môn hay Bà-la^-môn nào tu tập bốn hạnh: Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với việc sát sanh; không trộm cướp, không bảo người trộm cướp, không đồng tình với việc trộm cướp; không phạm con gái người ta, không bảo người khác phạm con gái người ta, không đong tình với việc phạm con gái người ta; không nói dối, không bảo người nói dối, không đồng tình với việc nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh này, ưa thích mà không miễn cưỡng,17 tâm tương ung với từ, thành tựu và an trú khắp một phương. Cứ như vậy cho đến hai phương, ba phương, bốn phương chính, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, cùng khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không gây thù két oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, bao trùm khắp cả thế gian, thành tựu và an tru. Cũng như vậy, đối với bi, với hỷ, tâm tương ưng với xả, không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la5 khéo tu vô lượng, bao trùm khắp cả thế gian, thành tựu và an tru. Này Vô Nhuế! Ý ông thế nào? Phải chăng pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy đạt đến ngoài da?

17 Nguyên tác: Lạc nhi bất tấn ().Pali: So abhirahati no hīnāyāvattati (Vị ấy tiến lên chớ không rơi xuống hạ phẩm).

104. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA 697

VÔ Nhuế thưa: Thưa Cù-đàm! Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy đạt đến ngoài da. Thưa Cù-đàm9 vậy thế nào gọi là pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đạt đến các đốt xương? Đức Thế Tôn trả lời: -Này Vô Nhuế, như có Sa-môn hay Bà-la-môn tu tập bốn hạnh: Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với việc sát sanh; không trộm cướp, không bảo người trộm cướp, không đồng tình với việc trộm cướp; không phạm con gái người ta, không bảo người khác phạm con gái người ta, không đông tình với việc phạm con gái người ta; không nói dối, không bảo người nói dối5 không đồng tình với việc nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh như vậy, ưa thích mà không miễn cưỡng. Những hành nghiệp, những tướng mạo đã có, vị ấy nhớ lại vô lượng kiếp đã trải qua, hoặc một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, kiếp thành, kiếp hoại, vô lượng kiếp thành, vô lượng kiếp hoại, tại chỗ đó ta là chúng sanh tên như thế, ta đã trải qua

nơi kia, đã từng sanh ở đó, có họ như vậy5 có tên như vậy, sinh hoạt như vậy, uống ăn như vậy, chiu khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sông lâu như vậy, châm dứt thọ mạng như vậy. Roi chét nơi này sanh nơi kia, chết nơi kia sanh ở nơi này, ta sanh tại chỗ này có họ như vậy, có tên như vậy, sinh hoạt như vậy, uống ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy? tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy và chấm dứt thọ mạng như vậy. Này Vô Nhuế! Ý ông thế nào? Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy có đạt đến các đốt xương không? [0594c09] Vô Nhuế thưa: -Thưa Cù-đàm! Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ này đã đạt đến các đốt xương. Thưa Cù-đàm! Vậy thì pháp tu khô hạnh đáng ghê sợ như thê nào mới đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật? Đức Thế Tôn đáp: -Này Vô Nhuế! Như có Sa-môn hay Bà-la-môn tu tập bốn hạnh: Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với việc sát sanh; không trộm cướp, không bảo người trộm cướp, không đồng tình với việc trộm cướp; không phạm con gái người ta, không bảo người khác phạm con gái người ta, không đồng tình với việc phạm con gái người ta; không nói dối, không bảo người nói dối, không đồng tình với việc nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh này, ưa thích mà không miễn cưỡng. Bằng thiên nhãn thanh tịnh siêu việt hơn người, vị ấy thấy biết đúng như thật chúng sanh này lúc sanh ra, lúc qua đời, hình dạng đẹp hoặc xấu, tính cách hiền lành hoặc xấu xa, qua lại cõi lành hoặc cõi ác5 đêu tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Nếu chúng sanh nào thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, chê bai Thánh nhân, tà kiến, kết thành nghiệp tà kiên; do nhân duyên đó nên sau khi qua đời, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến nẻo ác, đọa vào địa ngục. Còn nếu chúng sanh nào thân làm việc thiện, miệng nói lời

thiện, ý nghĩ điều thiện, không chê bai Thánh nhân, có chánh kiến, thành tim nghiệp chánh kiến, do nhân duyên đó nên sau khi qua đời, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến cõi lành, sanh lên cõi trời. Này Vô Nhuế! Ý ông nghĩ sao? Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy có đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật hay không? Vô Nhuế thưa: —Thưa Cù-đàm! Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy là đã đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật. Thưa Cù-đàm! Phải chăng vì để chứng ngộ pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ này mà các đệ tử của Ngài đã nương theo Ngài để tu hành Phạm hạnh? Đức Thế Tôn đáp: Này Vô Nhuế! Không phải vì để chứng ngộ pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ này mà đệ tử của Như Lai nương theo Như Lai đe tu hành Phạm hạnh. Này Vo Nhuế! Lại còn có pháp khác rất tối thượng, tối diệu, tối thắng. Chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Như Lai nương theo Như Lai mà tu hành Phạm hạnh. [0595a01] Lúc đó, hội chúng ngoại đạo huyên náo cao giọng lớn tiếng nói: "Dúng vậy! Đúng vậy! Chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử Sa-môn Cù-đàm nương theo Sa-môn Cù-đàm để tu hành Phạm hạnh.,, Bấy giờ, du sĩ Vô Nhuế liền bảo hội chúng của mình im lặng, rồi hỏi: Thưa Cù-đàm! Có pháp nào được gọi là pháp rất tối thượng, tối diệu, tối thắng và chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Sa-môn Cù-đàm nương nơi Sa-môn Cù-đàm mà tu hành Phạm hạnh? Đức Thế Tôn đáp: Này Vô Nhuế! Nếu đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Tượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian thì vị ấy đã xả bỏ năm thứ trói buộc và ngăn che8 những thứ khiến tâm nhiễm ô9 khiến tuệ yếu kém,

đã lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện,... cho đến đã chứng đắc, thành tựu và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy với tâm định như vậy, thanh tịnh, không có cấu uế, không phiền não, nhu hòa, khéo an trú, được tâm bất động mà hướng đến sự diệt sạch các lậu hoặc, tự thân chứng ngộ trí tuệ và thần thông, biết như thật rằng: Đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đay là khổ diệt và đây là con đường diệt khô. Vị đó biêt như vậy, thấy như vậy rồi thì tâm thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết là mình đã giải thoát và biết như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh níía."

18 Nguyên tác: Ngũ cái ,pañca mvarana, gồm: tham dục sân khuê thụy miên :trạo cử và nghi ngòi .

104. KINH ƯV-ĐÀM-BÀ-LA 699

Này VÔ Nhuế! Đó là pháp rất tối thượng, tối diệu, tối thắng. Chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Ta nương tựa nơi Ta để tu hành Phạm hạnh. Bấy giờ, cư sĩ Thật Ý nói: Này Vô Nhuế! Đức Thế Tôn đang ở đây. Bây giờ, ông có thể dùng lý lẽ nào đó để hủy diệt Ngài, dễ dàng như lăn cái bình rỗng chăng? Và ông hãy nói ví dụ về con bò chột một mắt, ăn cỏ một bên đi! Đức Thế Tôn nghe xong, hỏi du sĩ Vô Nhuế: -Quả thật ông có nói như vậy không? Du sĩ Vô Nhuế đáp: -Thưa đức Cù-đàm9 quả thật tôi có nói như vậy. Đức Thế Tôn lại hỏi tiếp: Ông có từng nghe các vị Trưởng lão cựu học đã nói: "Thời quá khứ, đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đang Chánh Giác sống nơi thanh vang, ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tQa.” Chư Phật, Thế Tôn thường sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. ở những nơi thanh vắng, thường thích tĩnh tọa, yên ổn và an lạc, các Ngài chưa hề một ngày, một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người, như ông và quyến thuộc của ông hôm nay chăng? [0595b01] Du sĩ Vô Nhuế đáp: Thưa Cù-đàm! Tôi từng nghe các vị Trưởng lão cựu học đã nói: "Thòi quá khứ, đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tẹ)a" Chư Phật, Thế Tôn thường sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, tru dưới gốc cây, sông ở non cao, không một tiêng đọng, vơi nạnh viên ly, không co điêu xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. ở những nơi xa vắng, thường thích tĩnh tọa, yên ổn và an lạc, các Ngài chưa hề một ngày, một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người như tôi và quyến thuộc của tôi hôm nay! -Này Vô Nhuế! ông không nghĩ rằng, như các đức Thế Tôn đó sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, tru dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. ở những nơi xa vắng, thường thích tĩnh tọa, yên on và an lạc, Sa-môn Cù-đàm này cũng học đạo Chánh giác ư? Du sĩ Vô Nhuế đáp: Thưa đức Cù-đàm, nếu biết như thế thì vì lý do gì mà tôi lại dám nói rằng: "Chí bằng một lý lẽ cũng đủ để hủy diệt Ngài, dễ dàng như lăn cái bình rỗng và còn nói ví dụ về con bò chột một mắt, ăn cỏ một bOn?"

_ FT^1_ Á HP _ / • Đức Thê Ton noi: Này Vô Nhuế! Như Lai có pháp thiện tương ưng với thiện, giải thoát tương ưng với giải thoát, có thể tự thân chứng ngộ, do vậy mà Như Lai tự ximg là bậc Vô Uy. Các Tỳ-kheo đệ tử của Ta, ai đến với tâm không dua nịnh, không dối gạt, chất trực, không hư vọng thì Ta giáo huấn cho và vi ấy tu tập theo giáo huấn ấy, chắc chắn sẽ đạt được Trí tuệ cứu cánh. Này Vô Nhuế! Nếu ông nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm vì muốn làm thầy cho nên thuyết pháp" thì đừng nên nghĩ như vậy. Thầy của ông, Ta trả lại cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe mà thôi. Này Vô Nhuế! Nếu ông nghĩ rằng: "Sam6n Cù-đàm vì tham đệ tử cho nên thuyết pháp" thì đừng nên nghĩ như vậy. Đệ tử của ông, Ta trả lại cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe mà thôi. Này Vô Nhuế! Nếu ông nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm vì tham sự cúng dường cho nên thuyết pháp" thì đừng nên nghĩ như vậy. Ta trả lại vật dụng cúng dường cho ông. Ta chỉ thuyêt pháp cho ông nghe mà thôi. Này Vô Nhuế! Nếu ông nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm vì tham được khen ngợi cho nên thuyết pháp" thì đừng nên nghĩ như vậy. Ta trả lại điều khen ngợi cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe mà thôi. Này Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng: "Nếu ta có pháp thiện tương ưng với thiện, giải thoát đưa đến giải thoát, có thể chứng đắc thì Sa-môn Cù-đàm này sẽ đoạt của ta, hủy diệt ta" thì đừng nên nghĩ như vậy. Ta trả lại pháp của ông cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe mà thôi. Bấy giờ, tất cả hội chúng đều im lặng. Vì sao như vậy? Vì họ đang bi Ma vương chế phục. Đức Thế Tôn bảo cư sĩ Thật Ý: Ong hãy nhìn tát cả hội chúng đang im lặng này. Vì sao như vậy? Vì họ đã bị Ma vương chế phục, khiến cả hội chúng ngoại đạo không có một ngoại đạo nào khởi ý niệm: "Ta hãy thử theo Sa-môn Cù-đàm tu hành Phạm hạnh!" [0595c05] Đức Thế Tôn biết như vậy rồi, Ngài thuyết pháp cho cư sĩ Thật Ý nghe, khiến mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiến được hoan hỷ. Sau khi dùng nhiều phương tiện thuyết pháp cho cư sĩ này nghe, khiến mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ rồi? Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nắm tay cư sĩ Thật Ý rồi vận dụng thần túc, nương hư không mà đi. Đức Phật dạy như vậy, cư sĩ Thật Ý nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

105. KINH NGUYỆN12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, có vị Tỳ-kheo sông một mình với hạnh xa lìa, ở nơi thanh văng, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi lên ý niệm: “Nếu ta được đức Thế Tôn thăm hỏi, nói chuyện, thuyêt pháp cho nghe thì ta sẽ đác giới Cụ túc, không phê bỏ thiên định và thành tựu tuệ quán/ ở nơi an tinh vang lāng.59 Suy nghĩ vạy roi nen vao lúc xe chiêu, vi Ty-kheo ay rơi nơi tĩnh tọa, đi đên chỗ đức Phật. Trông thấy vị Ty-kheo ấy từ xa đi đến, nhân đó Thế Tôn dạy các Ty-kheo: Các thầy hãy nguyện được Thế Tôn thăm hỏi, cùng nói chuyện với mình, thuyết pháp cho mình nghe để được đắc giới Cụ túc, không phế bỏ thiền đinh và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tinh vắng lặng. Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: "Ta có thân tộc? nguyện cho họ nhân nơi ta mà khi qua đời được sanh đến chỗ lành, sanh lên cõi trời. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phe bỏ thiền định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lặng/9 \ r Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện răng: "Các thí chủ đã cung cáp y phục, thức ăn, giường nệm, thuốc thang, đủ các vật dụng để ta tu hành; ta nguyện cho họ nhân đây mà được nhiều công dức, có trí

tuệ lớn,3 được nhiều phước báu. Vậy ta hãy thành tựu giới cụ túc, không phê bỏ thiên định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lặng." Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: "Nguyện cho ta có thể nhẫn chịu được sự đói, khát, lạnh, nóng, ruồi, muỗi châm chích, sự bức bách của nắng, gió; bi tiếng xấu, bị đánh đập cũng có thể kham nhẫn, bản thân tật bệnh đau đớn cùng cực cho đên mạng sông sáp tận và những điêu không vừa ý ta cũng đêu có thê kham nhẫn. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phế bỏ thiền định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lang?5

1 Nguyên tác: Nguyện kinh (T.Ol. 0026.105.0595cll). Tham chiếu: M. 6, Ākañkheyya Sutta (Kỉnh ước nguyện); A. 10.71 - v. 131. 2 Nguyên tác: Thành tựu quán hạnh (vipassanāya samannāgato)'. Thành tựu tuệ minh sát.

3 Nguyên tác: Đại quang minh ().

Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: "Nguyện

tựu giới Cụ túc, không phế bỏ thiền định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lãng?9 Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện răng: "Nguyện cho ta được như ý túc, Thiên nhĩ trí, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, dứt sạch các lậu hoặc, chứng đắc Vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết, tự giác ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu và an tru, roi biết như thật rang: 'Sanh tử đã cham dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa/ Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phê bỏ thiên đinh và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vang lặng." Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia sau khi nghe Phật thuyết giảng, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui ra. Tỳ-kheo ấy lãnh thọ lời Phật dạy, ẩn dật nơi yên tĩnh, ngồi thiền tư duy, tu hành tinh cần, tâm không buông lung. Nhờ ẩn dật nơi yên tinh, ngồi thiền tư duy, tu hành tinh cần, tâm không buông lung mà đạt được mục đích của một người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này tự biêt, tự giác ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an tru, roi biêt như thật răng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.” Vị Tôn giả ấy sau khi biết pháp rồi,... (cho đến) chứng quả A-la-hán. [0596b06] Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

106. KINH TƯỞNG1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nêu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với đất mà có ý nghĩ về đất như vầy: "Đất tức là ngã,2 đất là sở hữu của ngã, ngã là sở hữu của dất." Vị ấy đã cho đất tức là ngã, cho nên không biết rõ về đất. Vi ấy cũng có ý nghĩ như vậy đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ,3 Phạm thiên, Vô Phiền thiên,4 Vô Nhiệt thiên.5 Vị ấy cũng có ý nghĩ như vậy đối với Tinh thiên,6 cho rằng: "Tịnh thiên tức là ngã, Tịnh thiên là sở hữu của ngã, ngã la sở hữu của Tịnh thiên.,, Vi ấy đã cho Tịnh thiên tức là ngã, cho nên không biết rõ về Tinh thiên. Vị

ấy cũng có ý nghĩ như thế đối với Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, với đồng nhất, dị biệt, đa thù, điều được thấy, điều được nghe, điều được nhận biết, điều được hiểu rõ? điều được chứng đắc, điều được quán sát, điều được tác ý, điều được ý tư duy, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này. Vị ấy đối với cái tất cả có ý nghĩ về cái tất cả, cho rằng: "Tất cả tức là ngã, tất cả là sở hữu của ngã, ngã là sở hữu của tất cả." Vị ấy đã cho tất cả tức là ngã, cho nên không biết rõ về tất cả. Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với đất thì biết là đất, cho rằng: “Bất không phải là ngã, đất không phải là sở hữu của ngã, ngã khg phải là sở hữu của đất.y Vị ấy đã không cho đất tức là ngã, cho nên vị ấy biết rõ về đất. Vị ấy cũng biết như vậy đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên. Vị ấy cũng biết như vậy đối với Tịnh thiên, cho rằng: "Tịnh thiên không phải là ngã, Tịnh thiên không phải là sở hữu của ngã,

1 Nguyên tác: Tưởng kinh roi. 0026.106. 0596b09. Tham chiếu: Tạp.7.02. 0099.109. 0034a24; Tăng.T.02. 0125.44.6. 0766a04; M. l, Mūlapariyāya Sutta Kinhpháp môn căn bản. 2 Nguyên tác: Thần tức thần ngã, bản ngã. Địa tức thị thần .Tham chiếu: Tạp. T.02. 0099.109. 0034b 16: Đất chính la ngã Bà ;M. 1: Pathavirn meti đất là ngã. 3 Sanh chủ ,Pajāpati: Chúa tể của muôn loài theo tín niệm Ấn giáo. 4 Vô Phiền thiên ,một trong 5 cõi trời thuộc Tịnh Cư thiên .Cõi trời này không còn khổ, vui, không co tất cả phiền não. 5 Vô Nhiệt thiên ,một trong 5 cõi trời thuộc Tịnh Cư thiên. Cõi trời này không có tất cả nhiệt não bức bách. 6 Tinh thiên chỉ cho 5 tầng trời trong Đệ tứ thiền thuộc cõi sắc: 1. Vô Phiền thiên ;2. Vô Nhiệt thịêĩự;3. Thiện Kiến thiên #;4. Thiện Hiện thiên ;5. Săc Cứu Cánh thiên là nơi sanh đến của các bậc Thánh A-na-hàm.

ngã không phải là sở hữu của Tịnh thiên.,^ Vi ấy đã không cho Tịnh thiên tức là ngã, cho nên vi ấy biết rõ Tịnh thiên. Vi ấy cũng biết như vậy đối với Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, với đong nhất, di biệt, đa thù, điều được thấy, điều được nghe, điều được nhận biết, điều được hiểu rõ, điều được chứng đắc, điều được quán sát, điều được tác ý9 điều được ý tư duy, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này. Vi ấy đối với cái tất cả thì biết là tất cả, cho rằng: “Tất cả không phải là ngã, tất cả không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của tất c"Vị ấy đã không cho tất cả chính là ngã, cho nên vị ấy biết rõ về tất cả. [0596c03] Như Lai đối với đất thì biết rõ là đất, cho rằng: "Bất không phải là ngã, đất không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của dất." Ta đã không cho đất chính là ngã, cho nên Ta biết rõ về đất. Ta cũng biết như vậy đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên. Ta cũng biết như vậy đối với Tịnh thiên, cho rằng: "Tịnh thiên không phải là ngã, Tịnh thiên không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của Tịnh thiên.,^ Ta đã không cho Tịnh thiên chính là ngã, cho nên Ta biết rõ về Tịnh thiên. Ta cũng biết như vậy đối với Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, với đồng nhất, di biệt, đa

thù, điêu được thây, điêu được nghe, điêu được nhận biêt, điêu được hiêu rõ, điều được chứng đắc, điều được quán sát, điều được tác ý, điều được ý tư duy, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này. Ta đối với cái tất cả thì biết là tất cả, cho rằng: "Tất cả không phải là ngã, tất cả không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của tất c"Ta đã không cho cái tất cả chính là ngã, cho nên Ta biết rõ về cái tất cả. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.7

7 Bản Hán, hết quyển 26.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.